

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**

**Địa chỉ** 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**Điện thoại** 08 38294623

**Fax** 08 38290403

**Website** [www.metalhcm.com.vn](http://www.metalhcm.com.vn)

**Email** [kimkhitp@hcm.vnn.vn](mailto:kimkhitp@hcm.vnn.vn)

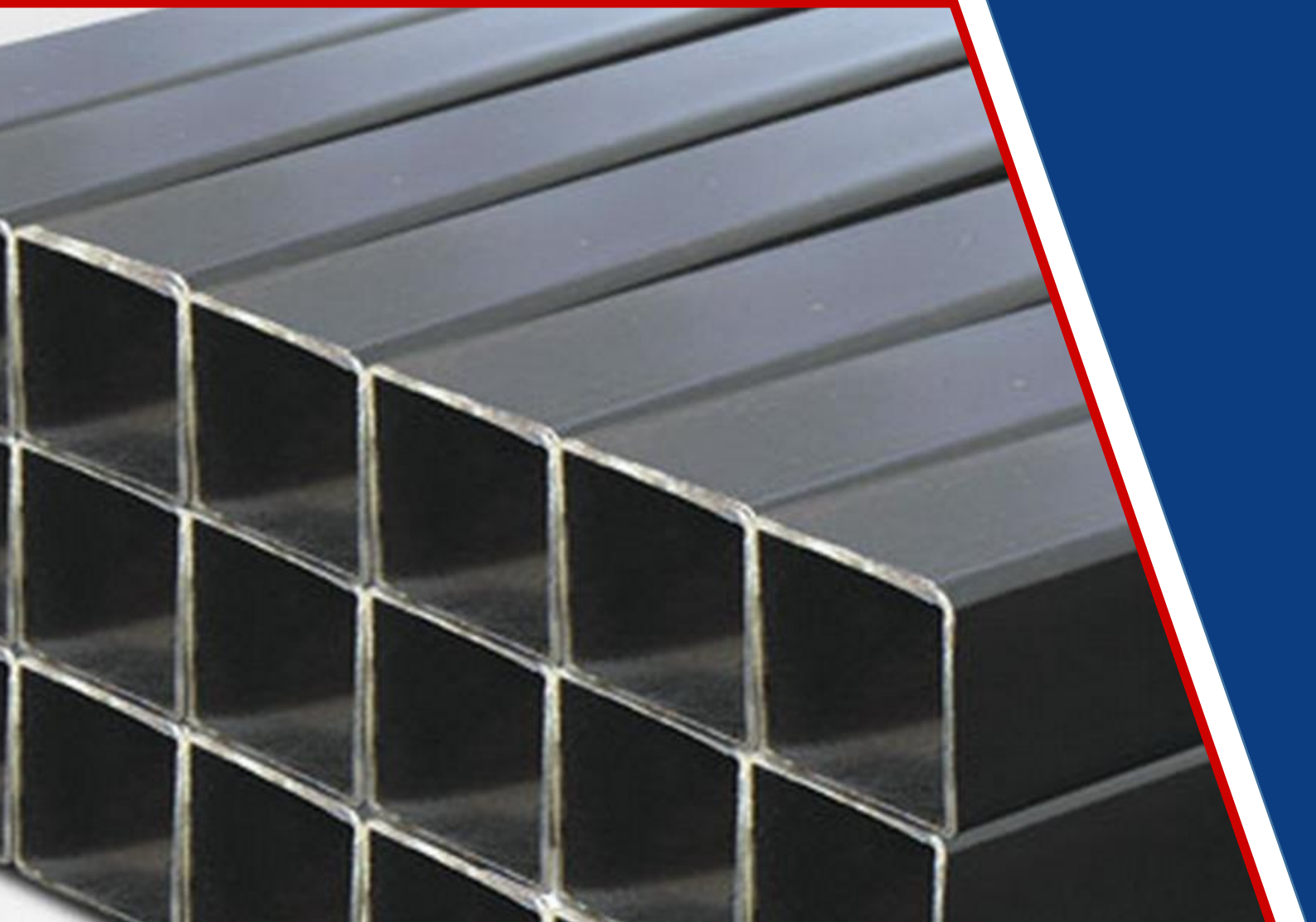


**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**



**2016**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**



---

# MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
  - 19** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
  - 39** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
  - 55** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
  - 63** QUẢN TRỊ CÔNG TY
  - 75** BÁO CÁO TÀI CHÍNH
- 
-

# THÔNG TIN CHUNG

---

**Thông tin khái quát**

**Quá trình hình thành và phát triển**

**Thành tích Công ty đạt được**

**Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động**

**Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức**

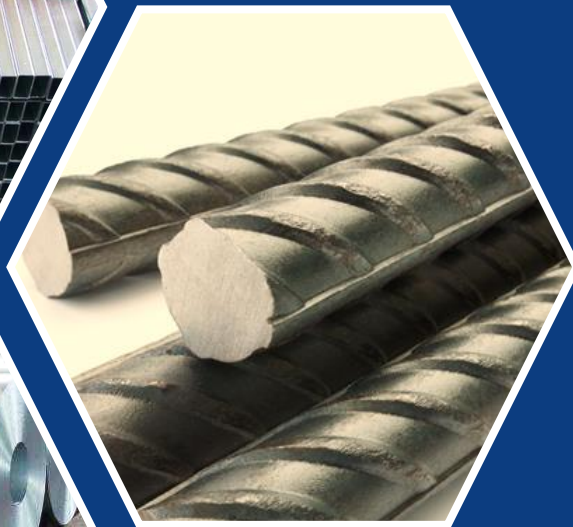
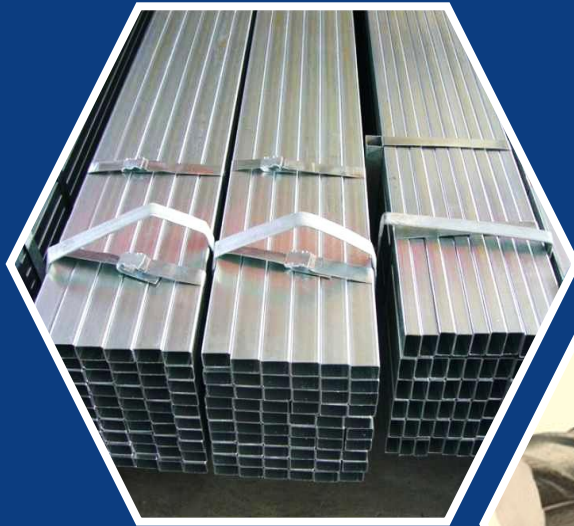
**Tâm nhìn, chiến lược và định hướng phát triển**

**Các mục tiêu trong tương lai**

**Quản trị rủi ro**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL



## Thông tin khái quát



<b>Tên Công ty</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL</b>
<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL
<b>Tên viết tắt</b>	HMC
<b>Giấy CNĐKDN số</b>	0300399360 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2017
<b>Vốn điều lệ</b>	210.000.000.000 đồng
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	338.791.951.443 đồng
<b>Địa chỉ</b>	193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
<b>Số điện thoại</b>	08 38294623
<b>Số fax</b>	08 38290403
<b>Website</b>	<a href="http://www.metalhcm.com.vn">www.metalhcm.com.vn</a>
<b>Email</b>	<a href="mailto:kimkhitp@hcm.vnn.vn">kimkhitp@hcm.vnn.vn</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	<b>HMC</b>

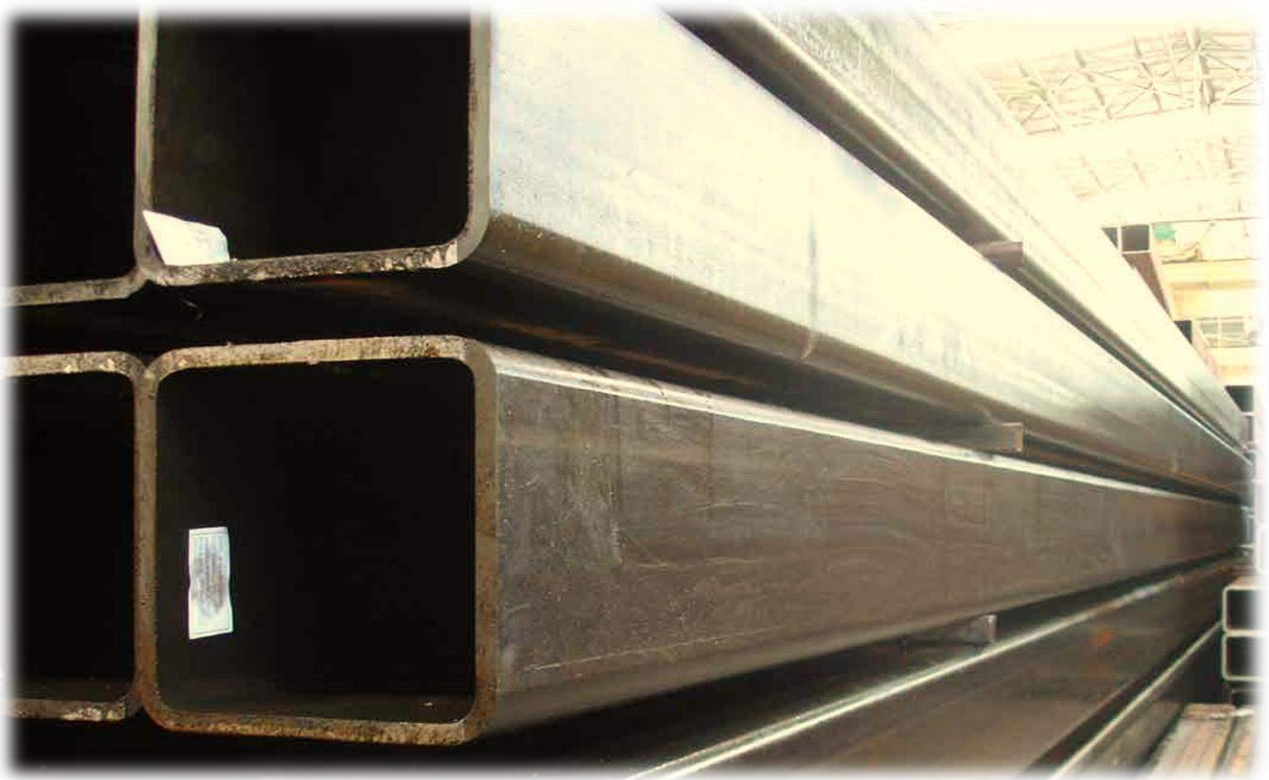




- Năm 1975** Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh tiền thân là Tổ chức quản lý Cung ứng Vật tư Kỹ thuật miền Nam được thành lập theo Quyết định 775/VT-QĐ ngày 07/11/1975 của Bộ Vật tư.
- Ngày 30/12/1975 Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517/VT-QĐ về việc tách Công ty Kim khí – Thiết bị Phụ tùng thành hai Công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.
- Năm 1976** Ngày 04/11/1976, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II.
- Năm 1986** Ngày 01/01/1986, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim khí TP HCM theo quyết định số 746/VT-QĐ.
- Năm 1993** Ngày 28/05/1993 theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí – Bộ Thương mại.
- Năm 2003** Ngày 12/11/2003 Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

## Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2005** Ngày 07/09/2005, Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim khí TP Hồ Chí Minh thành Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158.000.000.000 đồng.
- Năm 2006** Ngày 21/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là HMC.
- Năm 2008** Ngày 16/05/2008, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết bổ sung là 210 tỷ đồng.
- Năm 2017** Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh công bố thông tin về việc đổi tên Công ty thành CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL vào ngày 17/01/2017.



Thành tích công ty đã đạt được



# ACHIEVE



STT	Năm	Danh hiệu, hình thức khen thưởng	Thành tích	Quyết định số	Ngày ra quyết định	Cấp ra quyết định
1	1995	Huân chương lao động hạng 3	Xuất sắc trong công tác từ năm 1990 đến 1994.	467KT/CTN	25/05/1995	Chủ tịch nước
2	2006	Bảng khen của Bộ Công Nghiệp	Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006.	24/QĐ-BCN	02/01/2007	Bộ Công Nghiệp
3	2007	Bảng khen của Thủ tướng chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007.	732/QĐ-TTg	09/06/2008	Thủ tướng chính phủ
4	2010	Huân chương lao động hạng 2	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.	2194/QĐ-CTN	24/11/2011	Chủ tịch nước
5	2011	Cờ Thi đua của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.	01/QĐ-BCT	03/01/2012	Bộ Công Thương
6	2012	Bảng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.	76/QĐ-BCT	07/01/2013	Bộ Công Thương
7	2012	Bảng khen của Thủ tướng chính phủ	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác.	1741/QĐ-TTg	25/09/2013	Thủ tướng chính phủ
8	2014	Bảng khen của Bộ Công Thương	Thành tích xuất sắc trong công tác khác năm 2014.	11989/QĐ-BCT	30/12/2014	Bộ Công Thương

## Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

### Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh kim khí (kim loại đen, kim loại màu); vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, phế liệu...

Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí và tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ kinh doanh.

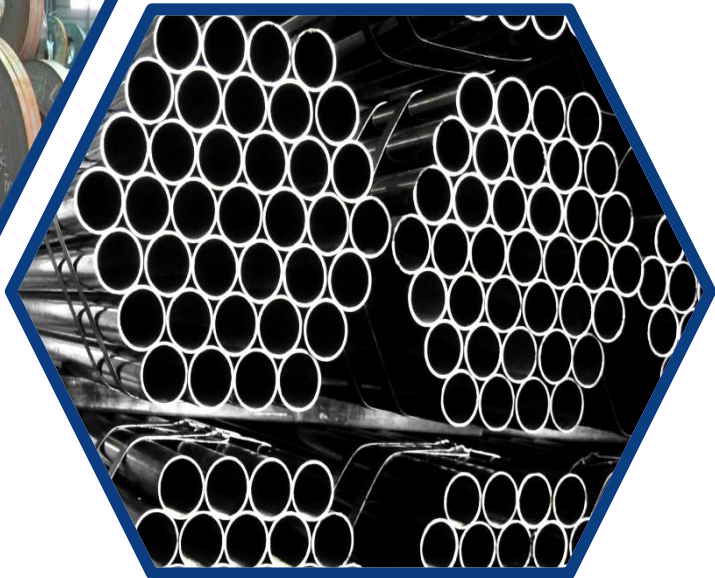
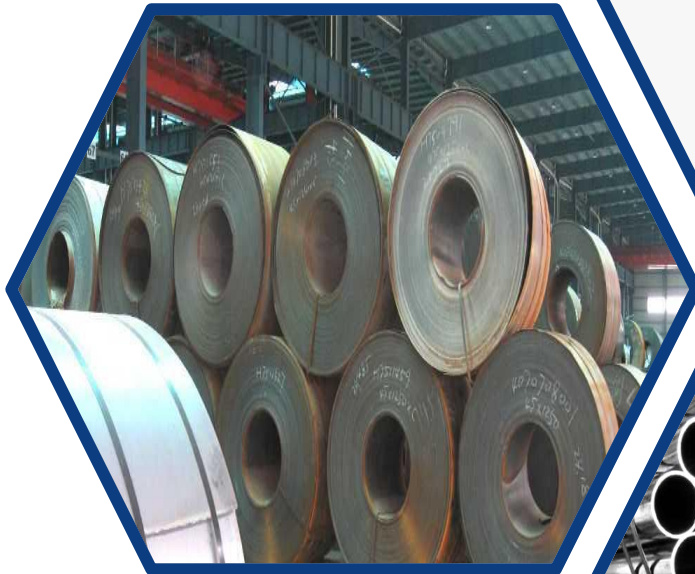
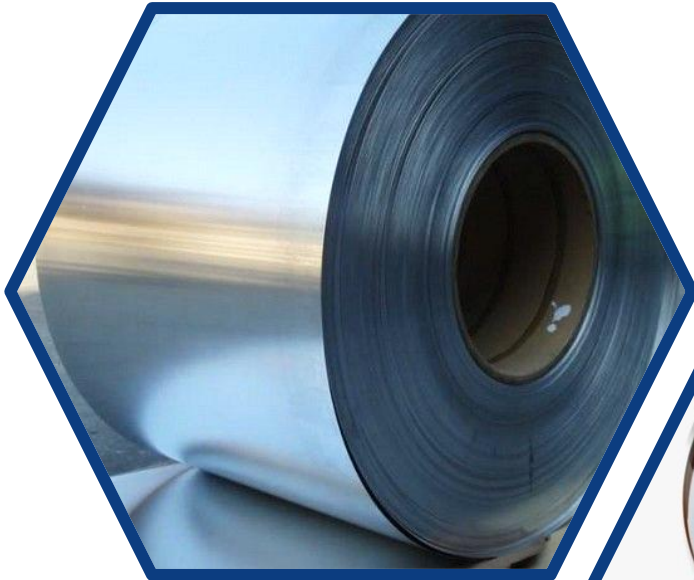
Dịch vụ: cho thuê kho bãi, cho thuê văn phòng.

Xuất nhập khẩu các mặt hàng: kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại.

### Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam và thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước như Hồng Kông, Myanmar, Campuchia...





## Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức

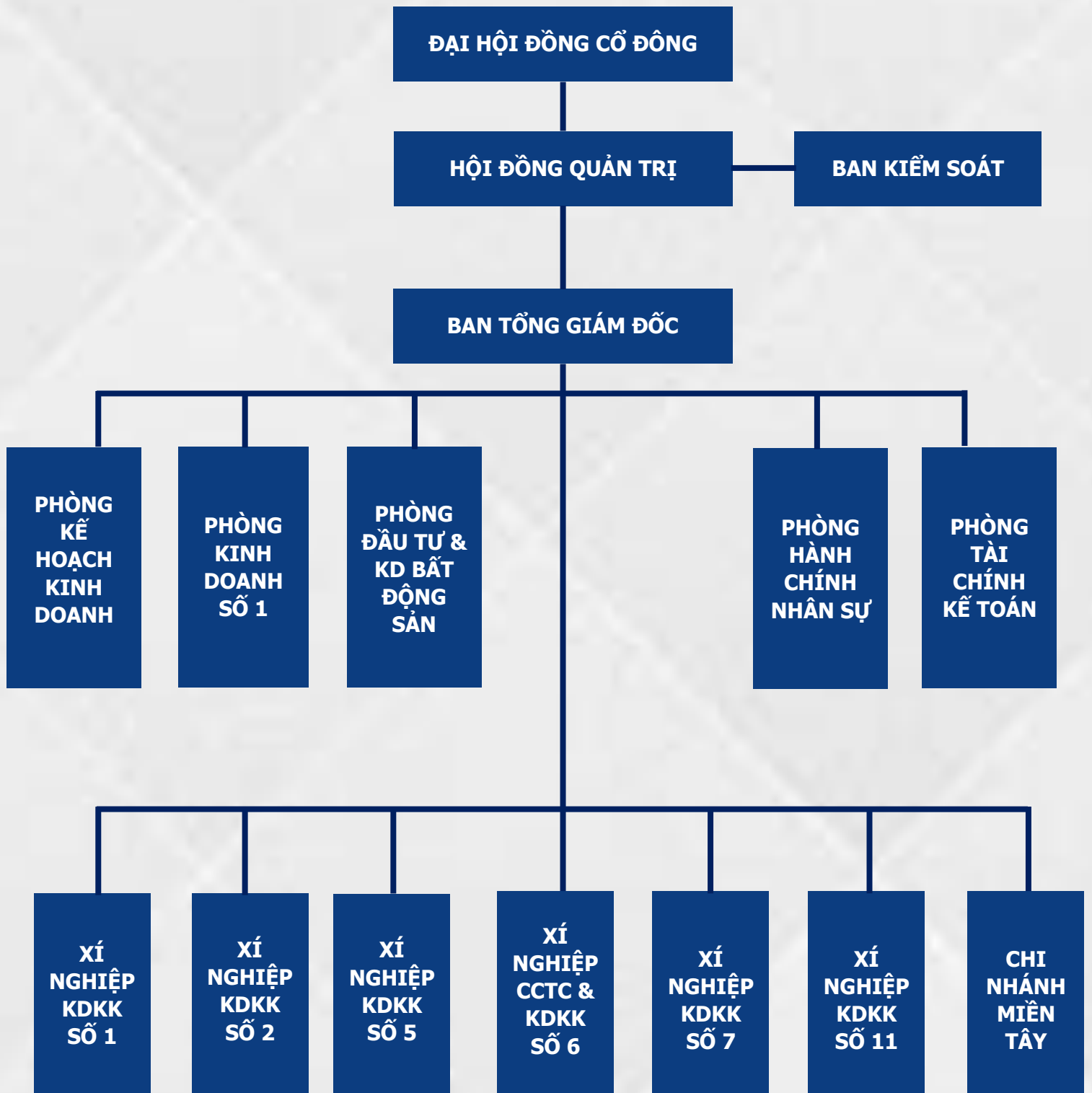
Là một Công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc
- Các phòng ban và xí nghiệp

**Các công ty con, công ty liên kết:** Không có



**Sơ đồ bộ máy quản lý**





## Tâm nhìn, chiến lược, định hướng phát triển



# Vision

### **Tâm nhìn, Chiến lược phát triển**

Xây dựng Công ty trở thành Công ty có uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng và Dịch vụ trên cả nước và khu vực, hình thành chiến lược kinh doanh ổn định, lâu dài phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới.

### **Sứ mệnh**

Phát huy lợi thế và bề dày kinh nghiệm 40 năm trong lĩnh vực kinh doanh kim khí của Công ty để hướng tới xây dựng hệ thống khách hàng ổn định và lâu dài, cung cấp sản phẩm chất lượng, giá cả hợp lý, luôn quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng và chất lượng dịch vụ.

Xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong Công ty, thỏa mãn được điều kiện sống và làm việc ổn định của người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, mọi hoạt động của Công ty luôn quan tâm đến bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội và đất nước.

### **Định hướng phát triển**

Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL là xây dựng hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp dịch vụ hoàn hảo, bảo đảm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

## Các mục tiêu phát triển trong tương lai

### Chiến lược phát triển dài hạn 2017 – 2020

#### Công ty hiện hoạt động kinh doanh trên nhiều lĩnh vực

Kinh doanh kim loại nhập khẩu: phấn đấu mỗi năm tăng trưởng từ 5% đến 10%.

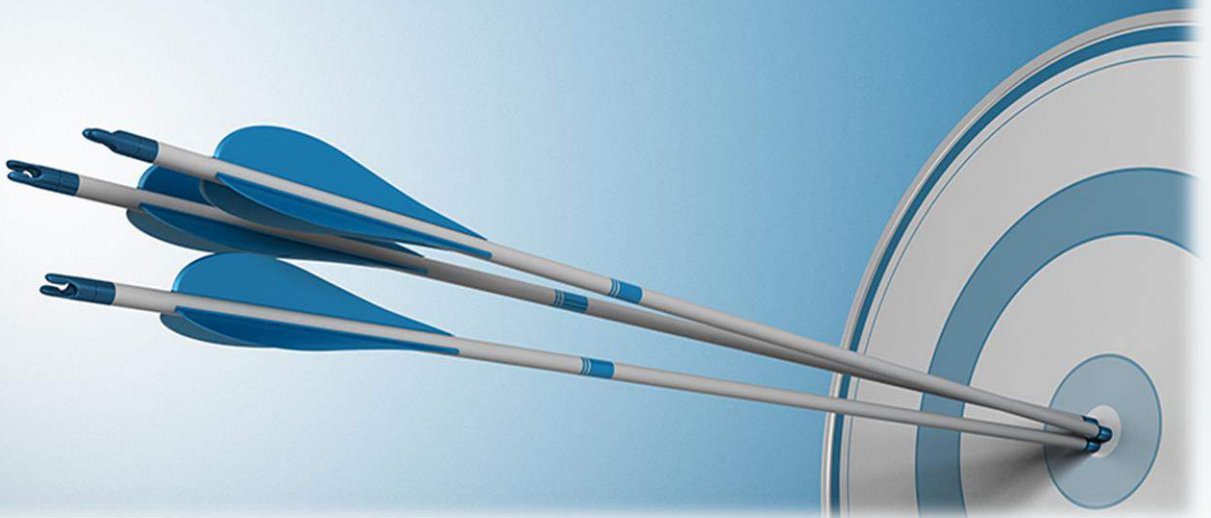
Kinh doanh hàng thép xây dựng: phấn đấu mỗi năm tăng trưởng 10% trong đó tỷ trọng cung cấp vào công trình trọng điểm là trên 50%.

Kinh doanh vật liệu xây dựng cơ bản (xi măng): phấn đấu mỗi năm tăng trưởng 10%.

Xuất khẩu: phấn đấu chiếm 10% sản lượng kinh doanh.

Văn phòng cho thuê: phấn đấu tỉ lệ cho thuê luôn trên 95% diện tích.

Tiếp tục tận dụng lợi thế về đất đai sẵn có, tổ chức khai thác có hiệu quả thông qua việc liên kết hợp tác đầu tư lô đất Linh Trung Thủ Đức





## Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

### Đối với môi trường

Toàn thể Công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất.

Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường.

Phải huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường.

### Đối với xã hội, cộng đồng

Công ty có nhiều chính sách phù hợp cho nhân viên của mình (chế độ làm việc, nghỉ phép, lễ, Tết đến điều kiện làm việc, chế độ lương thưởng) và cam kết tạo điều kiện cần thiết và tương xứng xứng đáng để nhân viên phát huy hết khả năng của mình.

Ngoài việc tạo nhiều việc làm hơn cho mọi người thông qua quá trình tuyển dụng, Công ty còn cố gắng tham gia tài trợ nhiều hoạt động xã hội, từ thiện nhằm cống hiến một phần nhỏ từ hoạt động kinh doanh của mình cho xã hội.

## Quản trị rủi ro



### Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HMC) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mặt hàng thép, kim loại, vật liệu xây dựng,...nên chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Đặc biệt, Việt Nam là một nước đang phát triển, đặt mục tiêu dự kiến đến năm 2020 sẽ trở thành một nước công nghiệp, nên việc đầu tư vào hạ tầng cơ sở, xây dựng đẩy mạnh đô thị hóa. Ngành xây dựng, bất động sản có xu hướng hồi phục mạnh mẽ trở lại sau một thời gian "đóng băng". Tất cả những yếu tố đó cho thấy sự ảnh hưởng của nền kinh tế đối với HMC. Một trong các yếu tố vĩ mô được quan tâm là Tổng sản phẩm trong nước (GDP). Năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước, đóng góp 2,59 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng trưởng khá với tốc độ 10,00%, đóng góp 0,60 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Nhìn chung, các điều kiện kinh tế trong năm 2016 có các bước phục hồi hỗ trợ cho ngành thép nói chung và HMC nói riêng. Trên xu hướng phục hồi sắp tới, các yếu tố của nền kinh tế khá thuận lợi cho các doanh nghiệp ngành thép nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro cần phải chú ý trong năm 2017 sắp tới.

### Rủi ro nguồn nguyên vật liệu

Năm 2016 cũng là năm Chính phủ đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (tự vệ đối với phôi thép và thép dài, tôn màu và chống bán phá giá đối với tôn mạ và thép hình H) để bảo vệ ngành thép trong nước. Chính sách hỗ trợ sản xuất trong nước bằng cách đánh các sắc thuế lên nhiều chủng loại thép nhập khẩu hoặc thuế chống bán phá giá mặt khác làm thu hẹp thị trường thép nhập khẩu của Công ty.

Điểm nổi bật trong năm nay là tốc độ tăng trưởng thép xây dựng, mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn (gần 50%) trong tất cả các loại sản phẩm thép của nước ta đạt mức cao so với các năm trước, 18,3% về sản xuất và 20,6% về bán hàng cũng là một trong các yếu tố tạo nên thuận lợi cho Công ty.

Giá cả các mặt hàng thép nhập khẩu và nguyên liệu sản xuất thép dao động liên tục và hiện đang phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc. Biến động tăng giảm thất thường của giá thép vừa là rủi ro nhưng cũng là cơ hội đối với nhà kinh doanh, nhất là kinh doanh hàng nhập khẩu.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi các bên tham gia trong hợp đồng với Công ty không có khả năng chi trả, không thực hiện đúng nghĩa vụ khi tham gia chính sách bán hàng trả chậm của Công ty hoặc các khoản Công ty cho vay.

Công nợ là một phần gắn liền với kinh doanh thép, nhất là thép xây dựng. Hiện nay, ở nước ta khung pháp lý vừa xây dựng vừa chỉnh sửa nên chưa hoàn thiện. Bên cạnh đó, bộ máy thực thi pháp lý còn nhiều bất cập. Do vậy quá trình đòi nợ thường kéo dài từ khâu khiếu kiện đến thi hành án dẫn đến việc doanh nghiệp thường không thu hồi được hoặc chi phí thu hồi nợ lớn.

Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty luôn theo dõi công nợ, định kỳ đánh giá năng lực tài chính, uy tín của khách hàng, đối tác nhằm có chính sách đôn đốc thu hồi nợ, áp dụng nhiều chính sách tín dụng khác nhau cho từng loại đối tượng khách hàng.

### Rủi ro về luật pháp

Hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và niêm yết trên sàn, kinh doanh và giao thương với nước ngoài nên Công ty chịu sự chi phối nhiều của các Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thương mại, Luật thuế xuất nhập khẩu,... và các văn bản hướng dẫn. Hiện nay, các văn bản Luật đang trong giai đoạn hoàn thiện, đổi mới nên phần nhiều sẽ ảnh hưởng đến chính sách, quản trị của Công ty.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Các sản phẩm thép của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài, luôn chịu ảnh hưởng sự biến động của giá cả thép trên thế giới. Do đó, Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các biến động về tỷ giá, điều này đòi hỏi HMC phải có sự linh hoạt trong lựa chọn thời điểm nhập và tồn trữ hàng hóa hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

### Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn v.v. là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



# Tình hình hoạt động trong năm

---

**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tổ chức và nhân sự**

**Tình hình nhân sự và**

**các chính sách đối với người lao động**

**Tình hình hoạt động, đầu tư**

**Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong**

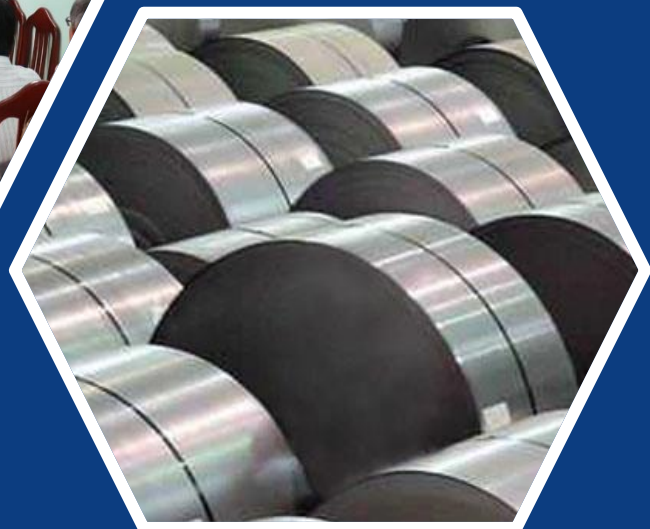
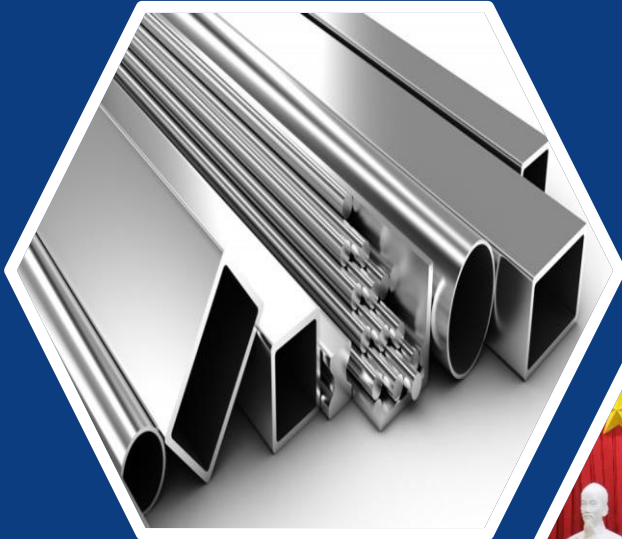
**vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường**

**và xã hội của công ty**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL





## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	ĐVT	Năm 2015	KH 2016	Năm 2016	Tỷ lệ thực hiện	
					So với KH	So với 2015
<b>1. Tổng doanh thu</b>	TỶ VND	<b>2.042</b>	<b>2.320</b>	<b>2.361</b>	<b>101,78%</b>	<b>115,61%</b>
- Hàng hóa	-	1.990	2.273	2.303	101,30%	115,73%
- Dịch vụ	-	53	47	59	124,89%	111,17%
<b>2. Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	<b>222.585</b>	<b>320.090</b>	<b>318.874</b>	<b>99,62%</b>	<b>143,26%</b>
<b>- Thép nhập khẩu</b>	-	<b>103.485</b>	<b>120.090</b>	<b>144.854</b>	<b>120,62%</b>	<b>139,98%</b>
+ Kim khí chính phẩm	-	73.883	70.000	113.761	162,52%	153,97%
+ Vật tư thứ liệu (SQC)	-	29.602	50.090	31.092	62,07%	105,04%
<b>- Thép xây dựng</b>	-	<b>80.694</b>	<b>120.000</b>	<b>83.370</b>	<b>69,48%</b>	<b>103,32%</b>
<b>- Phôi, phế liệu &amp; Gang thỏi</b>	-	<b>30.506</b>	<b>30.000</b>	<b>29.781</b>	<b>99,27%</b>	<b>97,62%</b>
+ Phôi	-	19.430	15.000	26.186	174,57%	134,77%
+ Phế liệu để luyện	-	11.076	15.000	607	4,05%	5,48%
+ Gang thỏi	-	-	-	2.988	-	-
<b>- Hàng hóa khác</b>	-	<b>7.900</b>	<b>50.000</b>	<b>60.869</b>	<b>121,74%</b>	<b>770,55%</b>
+ Xi măng	-	7.827	50.000	60.633	121,27%	774,67%
+ Tole	-	72,5	-	236	-	325,52%
<b>3. Lợi nhuận sau thuế</b>	TỶ VND	<b>-33,4</b>	<b>12</b>	<b>62,6</b>	<b>521,67%</b>	-
<b>4. Nộp ngân sách</b>	"	<b>101</b>	-	<b>74</b>	-	<b>73,27%</b>

Tổng doanh thu năm 2016 đạt 2.361 tỷ đồng tăng 15,61% so với năm 2015 và đạt 101,78% kế hoạch được đề ra. Doanh thu từ hàng hóa chiếm tỷ trọng cao với doanh thu là 2.303 tỷ đồng. Về sản lượng tiêu thụ, thép nhập khẩu là mặt hàng chủ lực được bán ra trong năm vừa qua của Công ty với sản lượng hơn 144.854 tấn, trong đó kim khí chính phẩm đạt hơn 113 nghìn tấn và vật tư thứ liệu (SQC) hơn 31 nghìn tấn. Cả 2 đều tăng so với năm 2015 kéo theo sản lượng thép nhập khẩu tăng 39,98% so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng thép xây dựng tăng nhẹ so với năm 2015, đạt hơn 83 nghìn tấn nhưng không đạt được kế hoạch do năng lực sản xuất thép xây dựng trong nước tăng cao, đưa đến sự cạnh tranh quyết liệt giành thị phần của các nhà máy sản xuất, đây chính là khó khăn cho các đơn vị thương mại kinh doanh hàng thép xây dựng trong nước. Bên cạnh đó, Bộ Công thương đã ra quyết định về việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng phôi thép, thép dài và thép mạ (tôn mạ) nhằm hạn chế thép nhập khẩu giá rẻ ồ ạt vào Việt Nam, cũng là nguyên nhân dẫn đến việc tăng giá thép trong từng giai đoạn. Trong 3 tháng cuối năm 2016 giá bán thép trong nước luôn thấp hơn hoặc bằng với giá chào bán thép của Trung Quốc chào bán tại thị trường Việt Nam trong cùng một thời điểm. Tổng sản lượng phôi, phế liệu và gang thép vẫn tương đối đảm bảo so với năm trước. Sản lượng phôi tăng mạnh so với năm 2015 đạt hơn 26 nghìn tấn nhưng lượng phế liệu để luyện chỉ còn 5,48% so với năm trước. Các hàng hòa khác mà chính yếu là xi măng tăng mạnh đạt sản lượng hơn 60 nghìn tấn, đạt 774,67% so với năm 2015.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HMC có phần khởi sắc. Nhưng với đặc điểm của ngành thép là giá vốn đầu vào cao, đầu tư cho các thiết bị máy móc, chi phí khấu hao đưa vào trong các hoạt động sản xuất với giá trị lớn nên biên lợi nhuận không đạt giá trị tương ứng. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 62 tỷ đồng cho thấy sự kiểm soát các chi phí đầu vào một cách hiệu quả đưa Công ty thoát khỏi lỗ của năm 2015.



## Tổ chức và nhân sự

### Danh sách ban điều hành

Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ
Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám Đốc
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Võ Thị Lệ Châu	Kế toán trưởng

### Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

#### ➤ Ông ĐẶNG HUY HIỆP - Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 11/02/1961

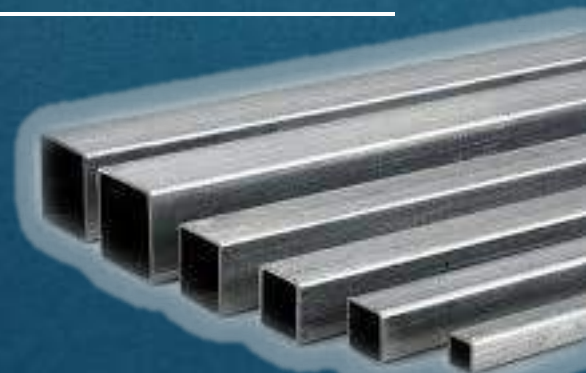
Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí luyện kim

Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí
11/1984 - 12/1996	Kỹ thuật viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Nhà máy Thép Nhà Bè thuộc Công ty Thép Miền Nam.
01/1997 - 6/1998	Tổng Giám đốc Công ty liên doanh Thép Long Bình.
7/1998 - 11/2006	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thép Miền Nam.
11/2006 - 12/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.
01/2010 - 6/2015	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Thép Vinakyoei.
2010 - 2016	Phó Chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam
07/2015 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Kim khí TPHCM-VNSTEEL.



## ➤ Ông **TRƯƠNG BÁ LIÊM** - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 01/01/1963

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Vị trí</b>
1987 - 1997	Cán bộ kỹ thuật, Cửa hàng phó, Cửa hàng trưởng, Phó Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty Kim Khí Đà Nẵng.
1998 - 1999	Giám sát kinh doanh KV Miền Trung Cty Mercedes Benz.
2001 - 2003	Phó Phòng KD – XNK Công ty KD thép & TB Công nghiệp.
2003 - 2005	Phó Giám đốc Cty KD thép & TBCN, Công ty CP Kim khí TPHCM.
01/2006 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kim khí TPHCM-VNSTEEL.

## ➤ Bà **VÕ THỊ LỆ CHÂU** - Kế toán trưởng

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 01/01/1964

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

<b>Thời gian</b>	<b>Vị trí</b>
1989 - 02/2000	Công tác tại Công ty Vật tư Thử liệu, Công ty KD Thép và TBCN.
03/2000 - 12/2003	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty KD Thép và TBCN.
01/2003 - 03/2007	Phó Phòng Tài chính kế toán Công ty Kim khí TP HCM.
04/2007 - T6/2008	Trưởng Phòng Tài chính kế toán Cty CP Kim khí TP HCM.
07/2008 - Nay	Kế toán trưởng Công ty CP Kim khí TP HCM- VNSTEEL.

## **Những thay đổi trong ban điều hành**

Không có.

## Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

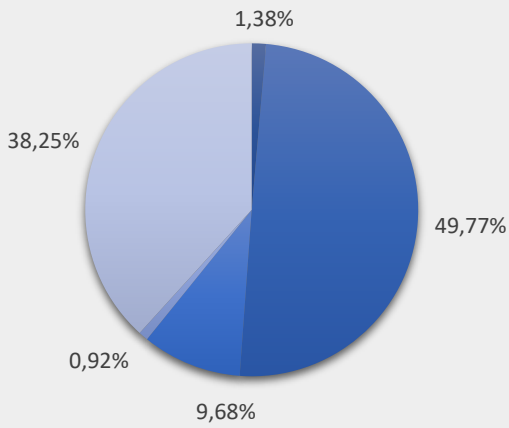
### Tình hình nhân sự của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL

Tổng số lao động năm 2016 (Tính đến ngày 31/12/2016) là 217 người.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>217</b>	
1	Trình độ trên đại học	3	1,38%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	108	49,77%
3	Trình độ trung cấp	21	9,68%
4	Công nhân kỹ thuật	2	0,92%
5	Lao động phổ thông	83	38,25%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>217</b>	
1	Hợp đồng không thời hạn	148	68,20%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	25	11,52%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	44	20,28%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>217</b>	
1	Nam	157	72,35%
2	Nữ	60	27,65%



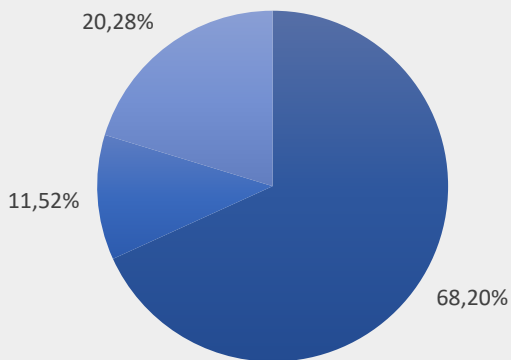
### Theo trình độ lao động



- Trình độ trên đại học
- Trình độ đại học, cao đẳng
- Trình độ trung cấp
- Công nhân kỹ thuật
- Lao động phổ thông

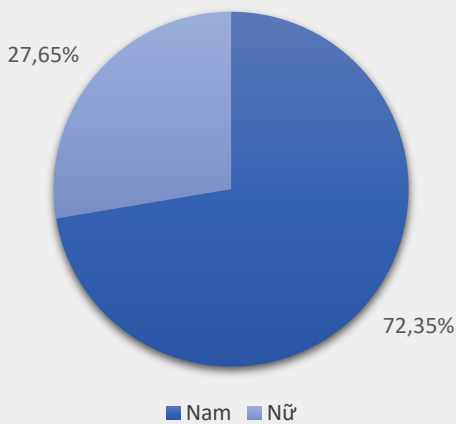


### Theo loại hợp đồng lao động



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm

### Theo giới tính



- Nam
- Nữ





Với chủ trương nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

## **Chính sách phúc lợi**

### ***Chính sách tiền lương***

Năm 2016, Công ty đã triển khai xây dựng hệ thống trả lương cho người lao động theo phương pháp 3P, nhằm xác lập các nguyên tắc trả lương thống nhất với từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động (NLĐ) làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh. Tiền lương và thu nhập của mỗi NLĐ phụ thuộc vào năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và tiềm năng cống hiến của NLĐ phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và cạnh tranh so với thị trường lao động.

Thu nhập của CBCNV bao gồm: Lương cố định + Lương hiệu quả + Các khoản phụ cấp (nếu có) + Tiền thưởng.

Mức lương của một cá nhân phải nằm trong dải lương quy định trong hệ thống thang – ngạch lương của Công ty. Dải lương của một vị trí công việc là khoảng cách giữa mức lương thấp nhất (Min), mức lương trung bình (Average) và mức lương cao nhất (Max). Mỗi vị trí công việc có một dải lương tương ứng nằm trong thang bảng lương của Công ty.

Hệ thống thang - ngạch lương có thể được điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi từ các yếu tố bên ngoài (tốc độ lạm phát, mức lương của thị trường lao động nói chung và của ngành có liên quan nói riêng) hoặc các yếu tố bên trong (chiến lược kinh doanh, quy mô, ngân sách lương, hiệu quả kinh doanh của Công ty).

### ***Chính sách tiền thưởng***

Thưởng theo hiệu quả công việc của cá nhân, theo năng suất lao động và theo lợi nhuận của Công ty.



TRAINING

### **Điều kiện và chế độ làm việc**

Đảm bảo an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động thường ngày của mình. Hằng năm Công ty đều đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, thi công nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định.

### **Công tác đào tạo**

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân nếu có.

Với những chính sách như trên, Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL đã tạo được sự gắn kết lâu dài với các CBCNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.



## Tình hình hoạt động đầu tư

### Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản

Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng dự án chung cư Phú Thuận, Quận 7 cho Công ty cổ phần Xây dựng Dịch vụ Địa ốc Đất Xanh với giá trị: 102,157 tỷ đồng và thanh lý tài sản trên khu đất này, thu hồi: 1,21 tỷ đồng.

Tổng thu nhập trước thuế của hoạt động chuyển nhượng Dự án và Tài sản trên đất là 13,489 tỷ đồng.

Cao ốc 193 Đinh Tiên Hoàng: Công suất cho thuê tòa nhà đạt 100%. Doanh thu năm 2016: 32,972 tỷ đồng (bao gồm doanh thu dịch vụ quản lý, điện, nước).

Cao ốc 189 Nguyễn Thị Minh Khai: Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà, doanh thu cho thuê năm 2016 là 13,144 tỷ đồng. Kể từ 01/01/2016, giá cho thuê tăng 15% so với năm 2015.

Doanh thu khai thác kho bãi cho thuê: 10,565 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy diện tích cần khai thác là 100%.

### Đầu tư tài chính

Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Thép Tấm Lá Thống Nhất 14 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng 14 tỷ đồng.

Góp vốn vào Công ty TNHH VNS-Deawoo 21,079 tỷ đồng. Dự kiến trích lập dự phòng thời điểm 31/12/2016: 12,407 tỷ đồng, trong đó: trích lập trong năm 2016: 4,988 tỷ đồng, trích lập các năm trước: 7,419 tỷ đồng.

Công ty hiện nắm giữ 1.150.000 cổ phiếu thép Nhà Bè, trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2016: 14,26 tỷ đồng (giá 31/12/2016: 7.600 đồng /cổ phiếu), so với thời điểm 31/12/2015 số trích lập dự phòng tăng 460 triệu đồng.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng / giảm 2016
Tổng tài sản	859.232	775.210	(9,78%)
Doanh thu thuần	2.042.492	2.361.359	15,61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(57.401)	51.531	-
Lợi nhuận khác	25.084	18.486	(26,30%)
Lợi nhuận trước thuế	(32.318)	70.017	-
Lợi nhuận sau thuế	(33.442)	62.657	-

Nguồn doanh thu chính của Công ty đến từ hoạt động thương mại thép chiếm hơn 97% trong cơ cấu doanh thu của Công ty, còn lại đến từ hoạt động cho thuê bất động sản, kinh doanh kho bãi,... Với tình hình khả quan trong năm 2016 và Quyết định 2968 của Bộ Công thương về áp thuế tự vệ bổ sung, đồng thời với sự nắm bắt tình hình kịp thời của Ban điều hành đã đưa Công ty đi đúng hướng. Doanh thu thuần năm 2016 đạt hơn 2.361 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt hơn 62 tỷ đồng.

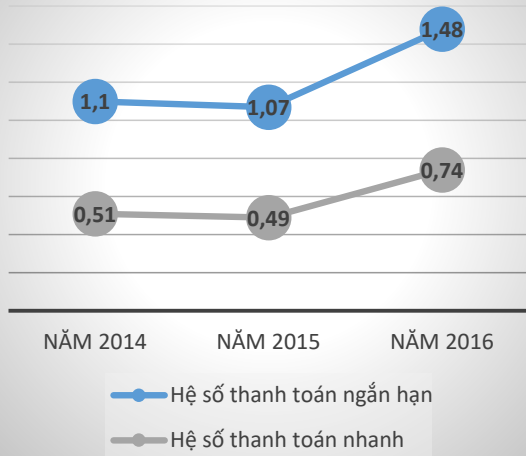


## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

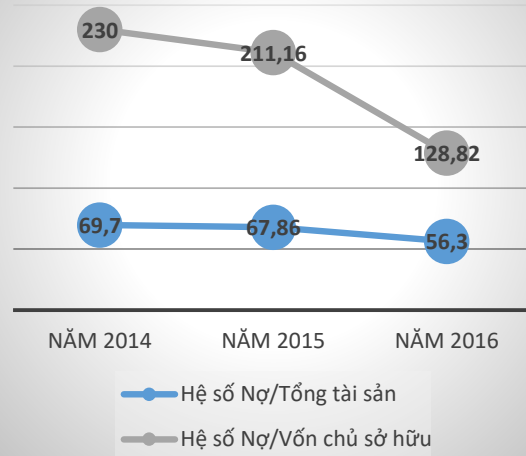
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,1	1,07	1,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,49	0,74
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,7	67,86	56,30
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	230	211,16	128,82
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,35	5,29	6,97
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,67	2,09	2,89
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,8	-	2,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,8	-	20,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,06	-	7,67
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,82	-	2,18

- Nhìn chung, hệ số thanh toán của Công ty tăng so với năm trước: Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,41 lần (tăng từ 1,07 lần lên 1,48 lần) và hệ số thanh toán nhanh cũng tăng 0,25 lần (tăng từ 0,49 lần lên 0,74 lần). Điều này thể hiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty được bảo đảm bằng tài sản ngắn hạn trong tình trạng tốt, duy trì thanh khoản ở mức vừa đủ cho các hoạt động thường xuyên.
- Có thể thấy hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty khá cao. Đặc thù ngành của Công ty cần được tài trợ từ nguồn vốn lớn nên Công ty khai thác đòn bẩy tài chính tài trợ cho các hoạt động thường xuyên. Tuy nhiên, với việc sử dụng vốn vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và hệ số nợ đạt 128,82% so với vốn chủ sở hữu cũng tiềm ẩn những rủi ro từ gánh nặng chi phí tài chính. Do đó tùy từng thời kỳ, Công ty lựa chọn cơ cấu vốn phù hợp với tình hình kinh tế và tình hình tài chính của Công ty.
- Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,29 vòng năm 2015 lên 6,97 vòng năm 2016, ở khoảng 52 đến 69 ngày tồn kho là một khoảng thời gian vừa đủ giúp Công ty đánh giá vừa đảm bảo đủ hàng hóa để xuất bán khi cần thiết, vừa đảm bảo không tồn hàng quá lâu dẫn đến bị giam vốn, mất khả năng thanh khoản. Với đặc thù ngành thâm dụng vốn như lĩnh vực mà HMC đang hoạt động, vòng quay tổng tài sản thường không cao so với những ngành khác. Nhưng Công ty đánh giá vòng quay tổng tài sản trong năm 2016 là tốt. Với kỳ thu tiền bình quân được duy trì khoảng 126 ngày – 174 ngày cho thấy chính sách bán hàng của Công ty kết hợp hài hòa giữa theo dõi thu hồi công nợ và ưu đãi cho khách hàng theo chính sách trả chậm một cách hợp lý.
- Các chỉ số đánh giá khả năng sinh lời của Công ty năm 2016 khả quan hơn so với năm trước. Công ty đã thoát lỗ và đạt mức lợi nhuận sau thuế hơn 62 tỷ đồng. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần ROS đạt 2,65% phản ánh hợp lý đặc thù của ngành thương mại thép khi giá vốn hàng bán và các chi phí khác luôn ở mức cao. Chỉ số ROE đạt 20,38%, cao hơn lãi vay ngân hàng cho các hợp đồng tín dụng trong năm của Công ty, hoàn toàn có thể bù đắp các khoản lãi vay này và giành ra một khoản lợi nhuận để chi các hoạt động khác. Chỉ số ROA đạt khoảng 7,67% cho thấy Công ty đánh giá là việc sử dụng tài sản tạo ra lợi nhuận trong năm là tương đối tốt.

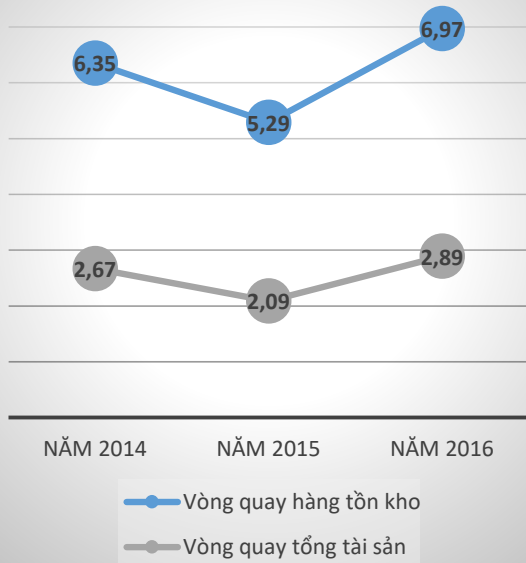
## Khả năng thanh toán



## Cơ cấu vốn



## Năng lực hoạt động



## Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cổ phần

Tổng số cổ phần thường: 21.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần thường đang lưu hành: 21.000.000 cổ phần

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 21.000.000 cổ phần

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có



### Cơ cấu cổ đông năm 2016

Thông tin thống kê về cổ đông  
(Chốt ngày 01/03/2017)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>827</b>	<b>20.905.070</b>	<b>209.050.700.000</b>	<b>99,55%</b>
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	05	11.902.254	119.022.540.000	56,68%
3	Cổ đông cá nhân	822	9.002.816	90.028.160.000	42,87%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>35</b>	<b>94.930</b>	<b>949.300.000</b>	<b>0,45%</b>
1	Cá nhân	31	41.360	413.600.000	0,20%
2	Tổ chức	04	53.570	535.700.000	0,25%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>862</b>	<b>21.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>



Để nâng cao tính cạnh tranh, cần xác định mô hình tăng trưởng bền vững: hướng tới chất lượng và chiều sâu, khi đó hàm lượng công nghệ, năng suất lao động, bảo vệ môi trường phải đóng vai trò thiết yếu trong giá trị gia tăng và giá trị sản phẩm. Vì thế, 7 nguyên tắc mà Hiệp hội sắt thép thế giới đã xây dựng là mục tiêu mà Công ty cổ Phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL đang hướng tới, cụ thể là:

### **An toàn và sức khỏe**

Chúng ta quan tâm và chăm lo đến cuộc sống thịnh vượng của người lao động và cung cấp cho họ môi trường làm việc an toàn và lành mạnh.

### **Giá trị cho các cổ đông**

Chúng ta thực hiện sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả theo cách bền vững về tài chính, cung cấp các sản phẩm thép và các giải pháp thỏa mãn yêu cầu của khách hàng và đem lại giá trị lợi ích cho các cổ đông.

## **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**



**Bảo vệ môi trường**

Chúng ta cố gắng tối ưu hóa hiệu quả thân thiện môi trường của các sản phẩm thông qua giá trị vòng đời của chúng. Chúng ta đẩy mạnh việc thu hồi, tái sử dụng và tái chế thép.

**Công khai và minh bạch**

Chúng ta xây dựng và chia sẻ các kiến thức, hiểu biết về bền vững thông qua hình thức trao đổi thông tin mở và tích cực. Chúng ta giúp đỡ người khác bằng việc cung cấp đồng bộ chuỗi các biện pháp để thực hành bền vững.

**Cộng đồng địa phương**

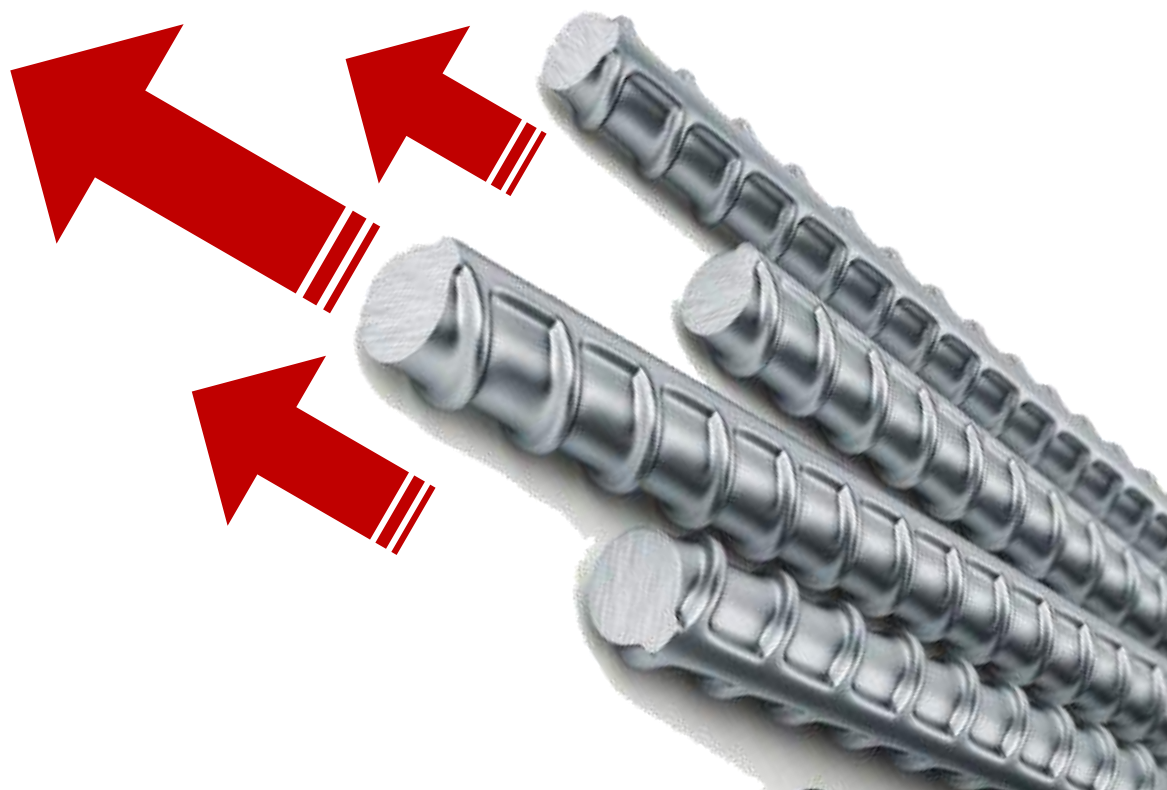
Chúng ta thúc đẩy các giá trị và các hành động thể hiện sự tôn trọng đối với mọi người và cộng đồng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng ta.

**Chuẩn mực đạo đức**

Chúng ta thực hiện sản xuất kinh doanh với với các chuẩn mực đạo đức cao nhất khi giao tiếp làm việc với người lao động, khách hàng, nhà cung cấp và toàn bộ cộng đồng.

**Sự tham gia của các cổ đông**

Chúng ta hoan nghênh sự tham gia của các cổ đông và bên thứ ba cùng trao đổi, đối thoại mang tính xây dựng tích cực giúp chúng ta hoàn thành các cam kết phát triển bền vững.





## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lĩnh vực chính của Công ty là thương mại thép và cung cấp các dịch vụ nên các nguồn nguyên vật liệu thô Công ty sử dụng là không đáng kể.

### Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng trực tiếp: Để việc hoạt động sản xuất kinh doanh và các sinh hoạt thường xuyên được đảm bảo, năng lượng tiêu thụ đáng kể mà Công ty sử dụng đến từ điện. Tổng lượng tiêu thụ điện của Công ty năm 2016 là 1.758.784 kW/năm. Công ty hoạt động thương mại nên các không sử dụng các năng lượng để vận hành máy móc và tiêu hao điện năng để hoạt động máy móc. Theo đánh giá của Công ty, với mức sử dụng điện năng như trên là hoàn toàn phù hợp cho một Công ty thương mại.

Năng lượng gián tiếp: Việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa nhập về hoặc giao đi đến khách hàng được Công ty sử dụng đến dịch vụ thuê ngoài với số lượng lớn cho một lần di chuyển nên chi phí tính cho phần này không đáng kể. Các lượt đi lại của nhân viên được kết hợp trong các chuyến đi theo vùng địa lý và phù hợp với công việc từng lần, chi phí chi cho hoạt động này cũng không lớn và được Công ty trình bày như trên.

Công ty đánh giá với việc tiêu thụ năng lượng như trên là hợp lý đối với một Công ty thương mại. Ý thức được việc cần phải tiết kiệm nguồn điện năng là góp phần tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, vừa là tiết giảm chi phí cho Công ty nên Ban điều hành khuyến khích nhân viên có ý thức tiết kiệm điện: tắt đèn, quạt, máy lạnh... khi không cần thiết sử dụng; thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hại; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện; hưởng ứng giờ trái đất,... góp một phần nhỏ vào công cuộc chung tay bảo vệ nguồn năng lượng.

### Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là địa bàn hoạt động Công ty trong thành phố, nhu cầu sử dụng nước luôn cao. Công ty sử dụng nước máy của thành phố. Tổng lượng nước tiêu thụ sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2016 là: 11.358 m<sup>3</sup>. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:

- Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
- Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
- Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
- Các biện pháp khác.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2016, chỉ tiêu nước thải sinh hoạt thải ra môi trường bị vượt quy chuẩn cho phép do hệ thống xử lý nước thải của Tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng bị sự cố. Công ty bị phạt 210 triệu. Đây là lần đầu Công ty vi phạm và đã có biện pháp khắc phục ngay sau đó nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền. Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong công tác định kỳ kiểm tra để phát hiện các sự cố, sửa chữa kịp thời nhằm bảo vệ môi trường để những sản phẩm mang thương hiệu HMC là những sản phẩm xanh, thân thiện môi trường.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động thời điểm 31/12/2016: 217 người, trong đó nữ 60 người

- Lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn: 153 người.
- Lao động có HĐLĐ từ 01 đến 3 năm: 37 người.
- Lao động vụ việc, thử việc: 27 người.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ và đúng theo quy định của Nhà nước.
- Trang bị bảo hộ lao động: Tùy theo công việc, hàng năm Công ty đều tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động và thực hiện việc trang bị bảo hộ lao động đầy đủ quy định của Nhà nước.
- Sự tham gia của người đại diện người lao động trong thanh kiểm tra về an toàn sức khỏe và điều tra tai nạn sự cố; cơ chế khiếu nại; quyền từ chối công việc không an toàn: Ban chấp hành Công đoàn là người đại diện cho người lao động tham bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổng số giờ đào tạo đã triển khai: 930 giờ.
- Số giờ đào tạo trung bình người lao động: 4,2 giờ/người/năm.
- Số giờ đào tạo theo cấp bậc: 25,8 giờ/người/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục nhằm hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Để phát triển đội ngũ quản lý chủ chốt theo chiến lược phát triển của Công ty, năm 2016 Công ty đã cử 13 lao động tham gia khóa đào tạo "Giám đốc kinh doanh", "Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung", "Đấu thầu, định giá, quản lý dự án đầu tư xây dựng" và cử một số lao động tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn khác.

# **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Tình hình tài chính**

**Đánh giá tổng quan về Công ty**

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,**

**chính sách, quản lý**

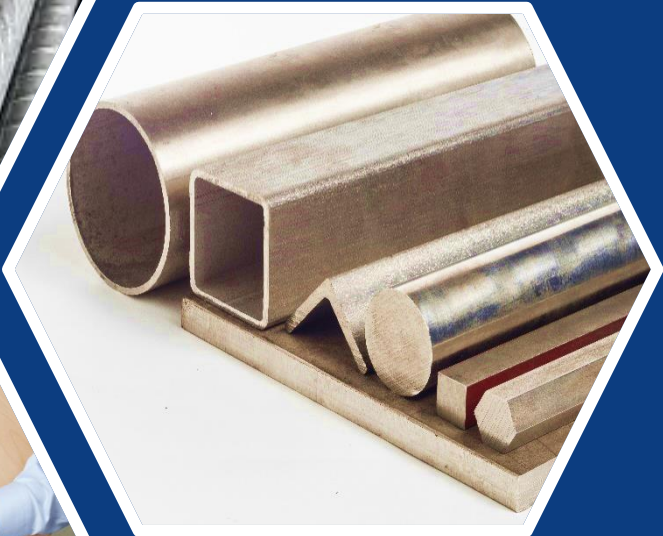
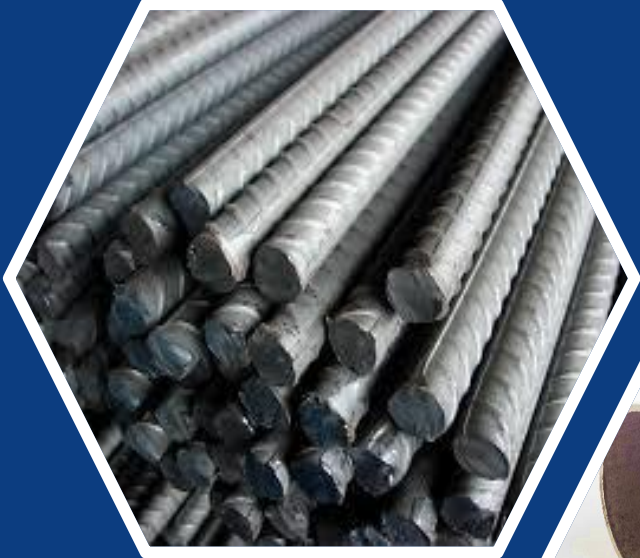
**Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về**

**môi trường và xã hội của công ty**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL



## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm 2016
Doanh thu thuần	2.042.492	2.361.359	15,61%
Giá vốn hàng bán	2.016.539	2.212.143	9,70%
Doanh thu hoạt động tài chính	14.407	15.917	10,49%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	113.602	97.762	(13,94%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(57.401)	51.531	-
Lợi nhuận khác	25.084	18.486	(26,30%)
Lợi nhuận trước thuế	(32.317)	70.017	-
Lợi nhuận sau thuế	(33.442)	62.657	-
EPS	(1.592)	2.984	-





Nửa đầu năm 2016, khi quyết định áp thuế tự vệ bổ sung tạm thời đối với mặt hàng thép thanh và phi thép của Bộ Công thương được ban hành. Sản lượng ống thép tăng trưởng 31,7%, đạt 1,52 triệu tấn. Giá ống thép và nguyên liệu cuộn cán nóng tăng lên. Do đó, lợi nhuận thu được trong giai đoạn này của hầu hết các doanh nghiệp thép đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái.

Công ty thường xuyên theo sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước, điều hành chính sách giá bán phù hợp từng thời điểm, linh hoạt theo từng đối tượng khách hàng và sát với từng đơn hàng.

Công ty thực hiện chính sách mua đuổi, bán đuổi khi giá thế giới thấp và tồn kho cao. Chú trọng công tác nhập khẩu, tận dụng thời cơ khai thác các nguồn hàng mang lại hiệu quả cao trong từng thời điểm. Tăng cường công tác xuất khẩu nhằm tăng sản lượng, doanh thu và tạo nguồn USD phục vụ thanh toán hàng nhập khẩu. Năm 2016, lượng hàng xuất khẩu của Công ty đạt 30.823 tấn, tương đương 10,41 triệu USD.

Việc phân tích đánh giá thị trường được thực hiện tốt nên Công ty đã chọn thời điểm mua hàng hợp lý, mang lại hiệu quả cao.

Có chính sách giải phóng hàng tồn kho phù hợp, không bán phá giá để chịu lỗ. Trên cơ sở phân tích, nhận định thị trường và cân đối với nguồn hàng bù đắp; Công ty đã đồng loạt triển khai các giải pháp bán hàng tồn kho, một số lô hàng tồn kho giá cao từ những năm trước đã được Công ty lựa chọn thời điểm bán ra phù hợp, giảm thiểu thiệt hại.

Công ty tăng cường công tác bán hàng thép xây dựng, chú trọng việc tiêu thụ thép nội vào các dự án lớn, dự án trọng điểm.

Việc mở rộng kinh doanh các mặt hàng mới: xi măng, tole... đạt kết quả tốt.

Tuy nhiên, sản lượng bán hàng thép xây dựng chưa đạt kế hoạch năm do lượng hàng thép nội bán ra tại thị trường Miền Tây có sự sụt giảm đáng kể. Cụ thể kế hoạch tiêu thụ của Chi nhánh Miền Tây là 80.500 tấn nhưng chỉ thực hiện được 17.362 tấn. Kế hoạch tiêu thụ xây dựng căn cứ vào sản lượng tiêu thụ của các năm trước, khi đó Chi nhánh Miền Tây là đầu mối phân phối sản phẩm ở khu vực Miền Tây của toàn bộ các Công ty thép phía Nam thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam – CTCP, giao lại cho các đại lý khác trong khu vực. Trước chính sách tái cơ cấu hệ thống phân phối của Tổng Công ty, Chi nhánh Miền Tây trở thành một trong mười đại lý nên cơ chế trước đây không còn nữa.

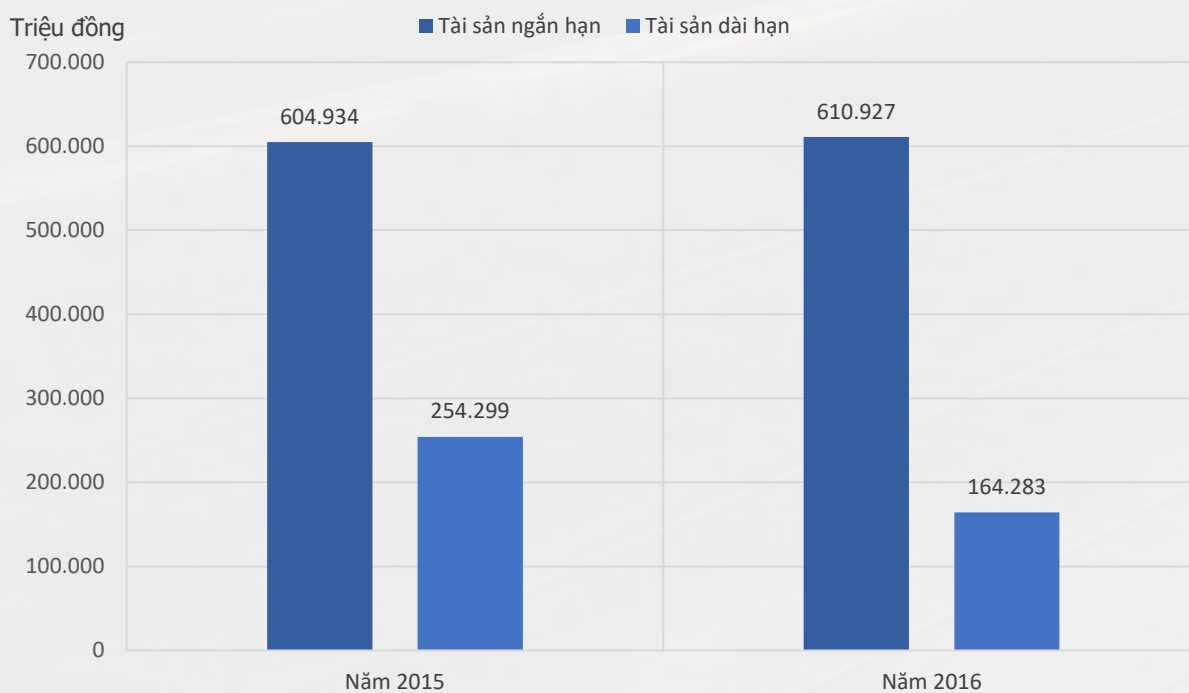
Mặc dù vẫn còn một số khó khăn cần khắc phục nhưng có thể nói năm 2016 là một bước chuyển mình mạnh mẽ của Công ty khi đạt được con số lợi nhuận ấn tượng 62 tỷ đồng. Kết quả này trước mắt đã bù đắp được khoản lỗ lũy kế từ năm trước, bên cạnh đó còn là yếu tố động viên cho hoạt động sản xuất kinh doanh những năm tới của Công ty, và phần nào làm yên tâm cổ đông và nhà đầu tư.

## Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ tăng/giảm
<b>Tài sản</b>	<b>859.233</b>	<b>775.210</b>	<b>(9,78%)</b>
Tài sản ngắn hạn	604.934	610.927	(0,99%)
Tài sản dài hạn	254.299	164.283	(35,40%)
<b>Nợ phải trả</b>	<b>583.098</b>	<b>436.418</b>	<b>(25,16%)</b>
Nợ ngắn hạn	563.178	413.237	563.178
Nợ dài hạn	19.919	23.181	19.919

### Tài sản



Nhìn chung, tổng tài sản năm 2016 giảm hơn so với năm 2015. Trong cơ cấu tài sản Công ty, tài sản ngắn hạn chiếm 78,81% và tài sản dài hạn chiếm 21,19%. Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (305,89 tỷ đồng). Do đặc thù trong hoạt động kinh doanh của Công ty là thương mại thép nên hàng tồn kho dưới dạng hàng hóa chờ bán chiếm phần lớn (chiếm hơn 99%). Phần còn lại đóng góp vào trong tài sản ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn (233,67 tỷ đồng), khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (30,54 tỷ đồng), khoản tiền mặt góp giá trị nhỏ (707,6 triệu), và tài sản ngắn hạn khác (10,59 tỷ đồng).

Tài sản dài hạn năm 2016 đạt khoảng 164 tỷ đồng giảm hơn 90 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015, nguyên nhân do Công ty đã chuyển nhượng dự án tại Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Trong năm Công ty đã thực hiện bán dự án tại phường Phú Thuận, Quận 7 cho Công ty CP Xây dựng và Địa ốc Đất Xanh. Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 31/12/2016 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong năm của các tài sản này là 6.052.237.632 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 là 41.176.990.946 đồng.

Chi tiết tài sản cố định như sau:

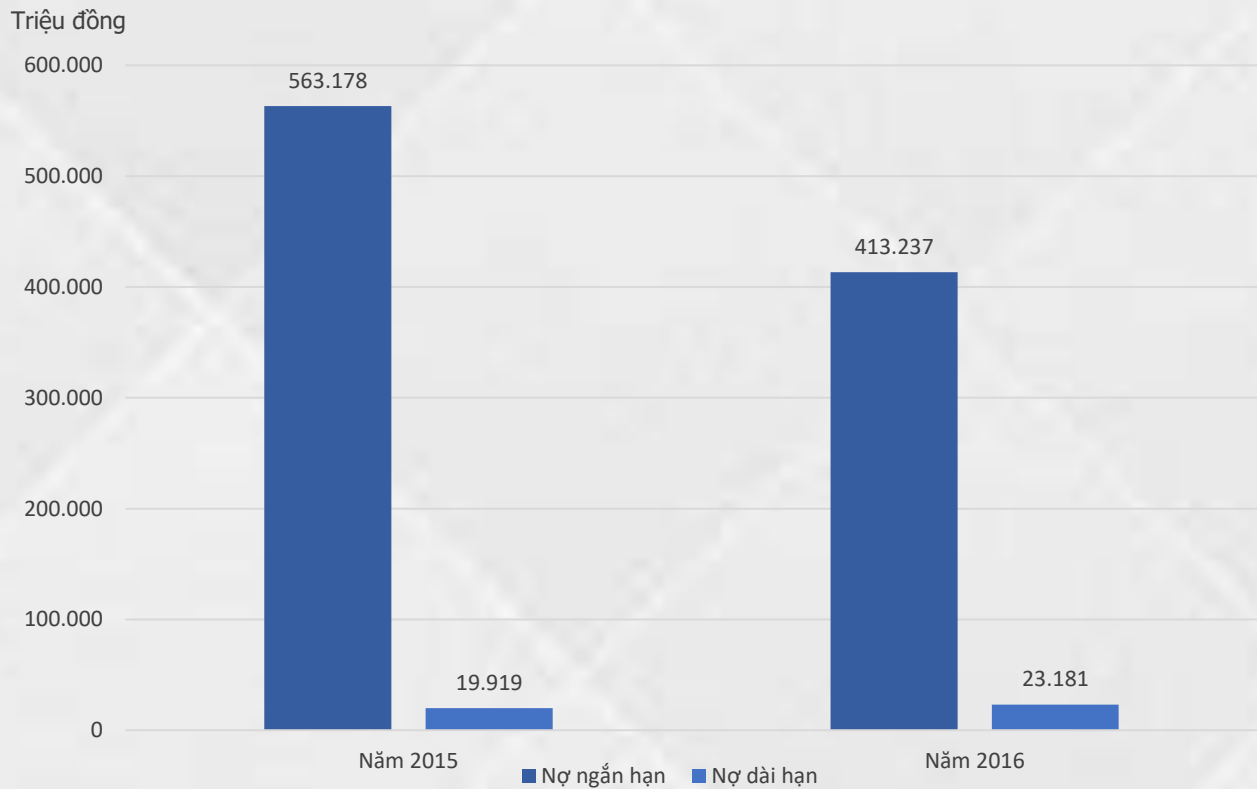
Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.097	11.822	16.275	57,92%
Máy móc thiết bị	30.537	17.938	12.599	41,26%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	5.567	2.993	2.574	46,24%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	504	359	145	28,75%
TSCĐ khác	978	786	191	19,56%
<b>Cộng</b>	<b>65.684</b>	<b>33.899</b>	<b>31.785</b>	<b>48,39%</b>

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất phường Phú Thuận, Quận 7	-	-	-	-
Các quyền sử dụng đất khác có thời hạn	6,854.05	1,047.15	5,806.90	84.72%
<b>Cộng</b>	<b>6,854.05</b>	<b>1,047.15</b>	<b>5,806.90</b>	<b>84.72%</b>



## Nợ phải trả



Nợ ngắn hạn chiếm hơn 94% trong tổng nợ của Công ty. Đặc thù hoạt động của Công ty cần một lượng lớn vốn lưu động để chi cho các hoạt động thường xuyên, các hợp đồng thương mại thép nhập về Công ty. Các khoản nợ ngắn hạn này phần lớn là khoản vay tín chấp ngân hàng, tuy nợ ngắn hạn chiếm tỉ trọng cao nhưng Công ty vẫn theo dõi để trả nợ đúng hạn. Năm 2016, khoản vay ngân hàng chỉ còn hơn 360 tỷ đồng, giảm 29,42% so với năm 2015. Việc Công ty giảm các khoản vay tài chính phần nào giảm thiểu gánh nặng chi phí tài chính cho Công ty.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty đã có bước chuyển mình mạnh mẽ trong năm 2016 vừa qua và được tiếp tục duy trì trong thời gian tới, các khoản nợ đều được đảm bảo và thể hiện tình trạng rõ ràng, khả năng chi trả tốt, tài sản của Công ty duy trì tỷ trọng thiên về ngắn hạn và tăng trưởng nhẹ trong năm phù hợp với tiến độ của các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL trong năm 2016.



## Đánh giá tổng quan về Công ty

- Có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh sắt thép.
- Am hiểu thị trường Thép Việt Nam, đặc biệt là khu vực Phía Nam.
- Kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh hàng nhập khẩu, thông hiểu luật kinh tế quốc tế, hiểu sâu về kinh tế ngoại thương.
- Có hệ thống khách hàng tương đối mạnh và rộng khắp.
- Đội ngũ CBCNV nhiều kinh nghiệm và có mối quan hệ rộng khắp trong và ngoài ngành thép. Đội ngũ bán hàng có thể mạnh trong việc bán lẻ mặt hàng thép nhập khẩu sai quy cách.
- Sản phẩm hàng hóa đa dạng như: Thép xây dựng, thép tấm, lá các loại, trong đó sản phẩm thép tấm sai quy cách là nguồn kinh doanh chủ lực, Xi măng, VLXD.
- Hệ thống các đơn vị bán hàng nằm ở các điểm thuận lợi cho người mua tại Tp. HCM và các tỉnh Miền Tây.

# S

**Thế mạnh**

- Lực lượng lao động tương đối lớn tuổi, chất lượng không đồng đều, công tác đào tạo và đào tạo lại cho người lao động chưa được quan tâm đúng mức.
- Tiêu thụ thép chính phẩm nhập khẩu chủ yếu là bán buôn qua các Công ty thương mại lớn, tỉ lệ bán lẻ còn thấp. Vì vậy thị phần Công ty giảm khi các nhà thương mại khác lớn mạnh, tổ chức kinh doanh tương tự Công ty và là đối thủ của Công ty.
- Chưa xây dựng được hệ thống tiêu thụ thép vào các đối tác là dự án và công trình.
- Mô hình quản trị chưa đáp ứng cho quá trình hội nhập quốc tế.
- Công tác đánh giá phân tích thị trường ngành thép chưa thành hệ thống, công tác Marketing, chăm sóc khách hàng chưa tốt.

# W

**Điểm yếu**





- Nhu cầu sử dụng thép tại Việt Nam vẫn còn lớn. (mức tiêu thụ thép hiện tại vào khoảng 150kg/người/năm, dự kiến sẽ tăng lên khoảng 240kg/người/năm) cho giai đoạn tiếp theo.
- Quá trình hội nhập hàng hóa sẽ đa dạng hơn và giá sẽ cạnh tranh hơn.
- Thị trường xuất khẩu sẽ rộng hơn cho các khu vực trong các nước tham gia hiệp định TM tự do ETA, TPP...
- Nhiều nhà máy có công suất lớn và đa dạng sản phẩm đang được đầu tư và sản xuất trong nước như: Formosa Hà Tĩnh, Posco SS ...

- Thị trường Việt Nam được đánh giá sẽ có một sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như các nhà thương mại xuất khẩu vào Việt Nam và các nhà sản xuất nước ngoài tại Việt Nam.
- Sản phẩm thép cán nguội do một số Công ty có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất trong nước sẽ làm thu hẹp thị phần thép nhập khẩu. Mặt khác các sản phẩm này nhận được hỗ trợ từ các chính sách ưu đãi, bảo hộ thuế... của chính phủ nên có lợi thế cạnh tranh với hàng nhập khẩu.

# O

**Cơ hội**

# T

**Thách thức**



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý





Công tác phân tích, đánh giá thị trường để ra quyết định kinh doanh tương đối chuẩn xác, đặc biệt là trong việc đánh giá thị trường để nhập khẩu hàng mới và chọn thời điểm tiêu thụ hàng tồn kho.

Việc xử lý hàng tồn kho được thực hiện tốt theo chỉ đạo của HĐQT, đã tiêu thụ được 70% lượng hàng tồn kho từ 2015 trở về trước.

Việc đa dạng hóa sản phẩm đã được triển khai, góp phần bổ sung doanh thu cho Công ty, tuy nhiên hiệu quả vẫn còn hạn chế.

Kết quả kinh doanh của các đơn vị trực thuộc có nhiều tiến bộ nhờ Công ty áp dụng những cơ chế thích hợp. Kết quả đạt được tạo động lực cho các xí nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Chính sách quản lý, điều hành: Đưa vào thực hiện quy chế quản lý kinh doanh và quy chế tiền lương mới. Áp dụng hệ thống trả lương mới được áp dụng thay hệ thống trả lương (theo nhà nước) cũ, gắn thu nhập với hiệu quả.



## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Kế hoạch trong năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

Năm 2017, tuy dự báo nền kinh tế thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng nhẹ, nhưng thị trường thép trong nước và thế giới tiếp tục diễn biến khó lường. Trung Quốc, một nhà sản xuất thép lớn nhất thế giới đang dư thừa nguồn cung, nhu cầu trong nước lại trầm lắng, việc cắt giảm công suất sản xuất diễn ra còn chậm, sẽ dẫn đến việc Trung Quốc tìm cách đẩy mạnh xuất khẩu thép sang các nước khác trong thời gian tới.

Ngoài ra, các sản phẩm thép của Trung Quốc đang phải chịu thuế chống bán phá giá tại Mỹ, EU... do đó tại các thị trường khác (trong đó có Việt Nam) sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi lượng thép xuất khẩu lớn từ Trung Quốc.

Các nhà máy sản xuất thép trong nước tiếp tục phải cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là lĩnh vực thép xây dựng. Do đó, năm 2017 dự báo thị trường thép sẽ còn gặp rất nhiều khó khăn.

Từ đó, Công ty đưa ra các chỉ tiêu cho năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017
<b>A. Doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>2.499</b>
Doanh thu DV	-	<b>47</b>
<b>B. Sản lượng tiêu thụ</b>		<b>320.000</b>
<b>I/ Kim Khí</b>	Tấn	<b>260.000</b>
-Thép nhập khẩu		
+ Thép chính phẩm	-	120.000
+ Thép sai quy cách	-	30.000
Thép sản xuất trong nước		
+ Thép xây dựng	-	90.000
+ Phôi thép	-	20.000
<b>II/ Hàng hóa khác</b>		<b>60.000</b>
- Xi Măng	Tấn	60.000
<b>C. Lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	<b>32</b>

## **Giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017**

### **Về kinh doanh**

Tiếp tục bám sát thị trường, chuẩn bị đủ nguồn hàng, cân đối lượng hàng tồn kho hợp lý nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty.

Tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường trong và ngoài nước. Thực hiện các chính sách bán hàng linh hoạt, cạnh tranh.

Quản trị tốt hàng tồn kho, định kỳ phân loại, đánh giá lại chất lượng từng chủng loại hàng hóa, duy trì mức tồn kho hợp lý.

Duy trì và đẩy mạnh công tác tiêu thụ thép nội, chú trọng tiêu thụ sản lượng thép nội vào các công trình lớn và trọng điểm.

Mở rộng các mặt hàng phục vụ công tác xuất khẩu sang thị trường Campuchia và các thị trường khác trong khu vực nhằm đa dạng hóa khách hàng và tăng thị phần xuất khẩu.

Tăng cường tiêu thụ các mặt hàng vật liệu xây dựng như: xi măng, tôn...

### **Về tài chính**

Tiếp tục mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thường xuyên phân tích tình hình biến động tỷ giá USD để đưa ra chính sách hợp lý trong việc sử dụng tiền VNĐ và ngoại tệ.

Thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro và quản trị chi phí.

Tăng cường hoạt động phân tích kết quả kinh doanh để kịp thời điều chỉnh chính sách kinh doanh phù hợp.

### **Về đầu tư, khai thác kho bãi và kinh doanh bất động sản**

Nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và khai thác hai cao ốc và hệ thống kho bãi của Công ty.

### **Về tổ chức nhân sự**

Tổ chức đánh giá lại công việc của các phòng nghiệp vụ Công ty, đơn vị trực thuộc nhằm tinh giảm và cơ cấu lại lao động phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty.

Đào tạo nâng cao những kỹ năng cần thiết cho lao động chuyên môn nghiệp vụ, lao động là người quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Tuyển dụng, xây dựng và đào tạo đội ngũ bán hàng đủ mạnh.

Tiếp tục phổ biến, vận động và tuyên truyền CBCNV thực hiện tốt các quy định qui chế làm việc của Công ty, các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước.

Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát giải quyết một số công việc có liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh.



## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



HMC khẳng định nói không với những dự án tỷ đô chỉ quan tâm đến lợi nhuận của nhà đầu tư mà quên đi trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng xã hội. Điều này đồng nghĩa với việc toàn thể Công ty không chạy theo “thành tích tăng trưởng” để tiến những bước dài hơn trên con đường phát triển bền vững, cụ thể qua sáu tiêu chí sau:

**Một là:** phát triển nhanh phải đi đôi với tính bền vững. Điều đó phải được kết hợp ở cả tầm vĩ mô lẫn vi mô, ở cả tầm ngắn hạn lẫn dài hạn.

**Hai là:** tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

**Ba là:** trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức.



## của Công ty



**Bốn là:** phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo.

**Năm là:** phải coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển.

**Sáu là:** phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị – xã hội, coi đây là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững.

Cụ thể HMC đã tích cực vận động các cán bộ công nhân viên chức cùng nhau tham gia các hoạt động xã hội như:

- Tích cực đóng góp ủng hộ các phong trào xã hội từ thiện Tổng liên đoàn lao động, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Công đoàn ngành và địa phương phát động.
- Công ty đã phối hợp Báo Công Luận tổ chức chương trình Trung Thu yêu thương cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn tại Xã Nhị Bình - Hóc Môn.
- Công đoàn phối hợp với đoàn thanh niên tổ chức tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh neo đơn và các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn tại Xã Tân Thuận Tây - TP Cao Lãnh - Đồng Tháp.

# **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về**

**các mặt hoạt động của Công ty**

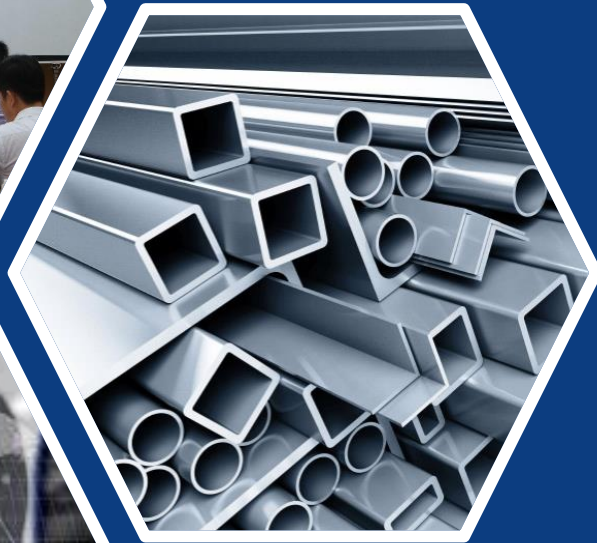
**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của**

**Ban Tổng Giám Đốc Công ty**

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016, nhìn chung, thị trường thép thế giới đã khởi sắc hơn năm 2015 tuy nhiên vẫn chịu ảnh hưởng lớn của thị trường thép Trung Quốc. Đã có hai thời điểm tăng giá nóng và đột biến vào tháng 4 và 11/2016 trên thị trường thép Trung Quốc. Đến thời điểm hiện tại, thị trường thép thế giới đang tiếp tục có xu hướng tăng.

Chịu sự ảnh hưởng của thị trường thép thế giới, đặc biệt là thị trường thép của Trung Quốc, các mặt hàng thép trong nước đã có những diễn biến tích cực về giá, nhu cầu tiêu thụ thép trong nước cũng tăng. Giá thép tăng, giảm với biên độ lớn là cơ hội hiếm có đối với các doanh nghiệp kinh doanh hàng nhập khẩu nếu tận dụng được thời cơ nhập hàng vào lúc giá xuống thấp và bán ra khi giá lên. Hiệu quả kinh doanh năm 2016 của Công ty tăng đột biến, phần lớn đến từ việc nắm bắt được cơ hội trên.

Bên cạnh đó việc Bộ Công thương ra quyết định áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng phiêu thép, thép dài và thép mạ (tôn mạ) nhằm hạn chế thép nhập khẩu giá rẻ ồ ạt vào Việt Nam cũng là nguyên nhân dẫn đến việc tăng giá thép trong từng giai đoạn. Chính sách này hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước nhưng lại ảnh hưởng đến các doanh nghiệp kinh doanh hàng nhập khẩu do mặt hàng kinh doanh bị hạn chế.

Riêng đối với thép xây dựng, năng lực sản xuất thép xây dựng trong nước tăng cao, cung tăng nhanh hơn cầu. Sự cạnh tranh quyết liệt giành thị phần giữa các nhà máy sản xuất cũng chính là khó khăn cho hoạt động của các Công ty thương mại kinh doanh mặt hàng thép xây dựng trong nước trong đó có HMC.





## **Những điểm nổi bật trong hoạt động của Công ty năm 2016**

Công tác phân tích, đánh giá thị trường được thực hiện khá tốt, giúp cho Ban điều hành đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn. Đặc biệt là việc đánh giá thị trường để tận dụng thời cơ nhập khẩu các mặt hàng mang lại hiệu quả cao trong từng thời điểm và chọn thời điểm tiêu thụ hàng tồn kho.

Công ty thường xuyên theo sát diễn biến thị trường để điều hành chính sách giá bán phù hợp từng thời điểm, linh hoạt theo từng đối tượng khách hàng và từng đơn hàng.

Công ty đã đồng loạt triển khai các giải pháp bán hàng tồn kho, một số lô hàng tồn kho giá cao từ những năm trước đã được Công ty lựa chọn thời điểm bán phù hợp, giảm thiểu thiệt hại. Trong năm 2016 đã tiêu thụ được gần 70% lượng hàng tồn kho từ năm 2015 trở về trước.

Tăng cường công tác xuất khẩu nhằm tăng sản lượng, doanh thu và tạo nguồn USD phục vụ thanh toán hàng nhập khẩu. Năm 2016, lượng hàng xuất khẩu của Công ty đạt 30.823 tấn, tương đương 10,41 triệu USD.

Công ty tiếp tục khai thác thêm nguồn hàng nhập khẩu, nguồn hàng trong nước để kinh doanh các mặt hàng thép tấm, cuộn sai quy cách vốn là thế mạnh của Công ty, qua đó hầu hết các lô hàng thép SQC đã mang lại lợi nhuận đáng kể cho Công ty.

Công ty tăng cường công tác bán hàng thép xây dựng (Thép Miền Nam, thép Vinakyoei), chú trọng công tác tiêu thụ thép nội vào các dự án lớn, dự án trọng điểm.

Kết quả kinh doanh của các đơn vị trực thuộc có nhiều tiến bộ nhờ Công ty đã áp dụng những cơ chế thích hợp. Kết quả đạt được sẽ tạo động lực cho các xí nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Việc đa dạng hóa sản phẩm đã được triển khai, góp phần bổ sung doanh thu cho Công ty. Trong đó mặt hàng Xi măng tiêu thụ vượt kế hoạch 21,27%.

## **Những hạn chế còn tồn tại**

Sản lượng bán hàng chưa đạt kế hoạch năm do lượng hàng thép nội bán ra tại thị trường Miền Tây có sự sụt giảm đáng kể.

Tuy có cố gắng trong việc triển khai thực hiện nhưng việc bổ sung sửa đổi và ban hành các quy chế quản lý của Công ty còn chậm.

Đội ngũ lao động gián tiếp còn cồng kềnh, trong khi đội ngũ bán hàng còn mỏng, chưa thực sự đủ mạnh.

Công tác đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác chưa phát huy được hiệu quả, mức trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vốn vào Công ty TNHH VNS-Deawoo tăng cao dẫn đến giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

## **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty**

Với những thay đổi có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty hiệu quả, đáp ứng được kỳ vọng của cổ đông theo kế hoạch đề ra.

Vấn đề quan trọng mà Ban Tổng Giám đốc đã làm tốt trong năm qua đó là điều phối các hoạt động của Công ty một cách suýt sắc, tạo ra mức lợi nhuận cao.

Công ty nói chung và các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc nói riêng đã có một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận

Doanh thu: 2.499 tỷ đồng

Sản lượng tiêu thụ: 320.000 tấn, trong đó:

- Kim khí chính phẩm: 120.000 tấn
- Vật tư thứ liệu: 30.000 tấn
- Thép sản xuất trong nước: 90.000 tấn
- Phôi: 20.000 tấn
- Xi măng: 60.000 tấn

Lợi nhuận trước thuế: 32 tỷ đồng

### Biện pháp thực hiện

#### Công tác tài chính

- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro trong việc bán hàng trả chậm, giảm dần các khoản nợ xấu, nợ đọng.
- Chú trọng việc quản trị chi phí, triển khai có hiệu quả hơn chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty...
- Đảm bảo tốt việc khai thác các nguồn tín dụng với chi phí sử dụng vốn thấp nhất. Linh hoạt trong việc sử dụng vốn vay VNĐ và ngoại tệ, cân đối sử dụng nguồn USD xuất khẩu và nhập khẩu, góp phần tiết kiệm chi phí tài chính.
- Tăng cường hoạt động phân tích kết quả kinh doanh để kịp thời điều chỉnh chính sách kinh doanh phù hợp.

#### Công tác kinh doanh Dịch vụ và Đầu tư

Quản lý và khai thác tốt tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng và tòa nhà 189 Nguyễn Thị Minh Khai. Tăng hiệu quả khai thác các mặt bằng, kho bãi của Công ty.

## Biện pháp thực hiện

### Công tác quản lý, tổ chức nhân sự

- Tiếp tục rà soát sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ; đánh giá lại việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành và đề xuất sửa đổi cho phù hợp với thực tế, đặc biệt là quy chế kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để khắc phục những tồn tại và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Tổ chức đánh giá lại công việc của các phòng nghiệp vụ Công ty, đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp lại lao động phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty.
- Đào tạo nâng cao những kỹ năng cần thiết cho lao động chuyên môn nghiệp vụ, lao động là người quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Tuyển dụng, xây dựng và đào tạo đội ngũ bán hàng đủ mạnh.

### Công tác kinh doanh

- Tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường trong và ngoài nước. Thực hiện các chính sách bán hàng linh hoạt, cạnh tranh.
- Tiếp tục bám sát thị trường, chuẩn bị đủ nguồn hàng, cân đối lượng hàng tồn kho hợp lý nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty.
- Quản trị tốt hàng tồn kho, định kỳ phân loại, đánh giá lại chất lượng từng chủng loại hàng hóa, duy trì mức tồn kho hợp lý. Duy trì và đẩy mạnh công tác tiêu thụ thép nội, chú trọng tiêu thụ sản lượng thép nội vào các công trình lớn và trọng điểm.
- Mở rộng các mặt hàng phục vụ công tác xuất khẩu sang thị trường Campuchia và các thị trường khác trong khu vực nhằm đa dạng hóa khách hàng và thị phần xuất khẩu.
- Tăng cường tiêu thụ các mặt hàng vật liệu xây dựng như: xi măng, tôn...

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

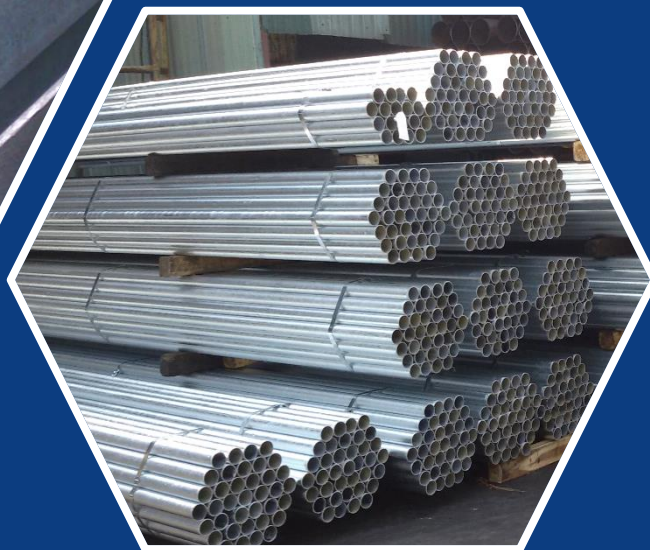
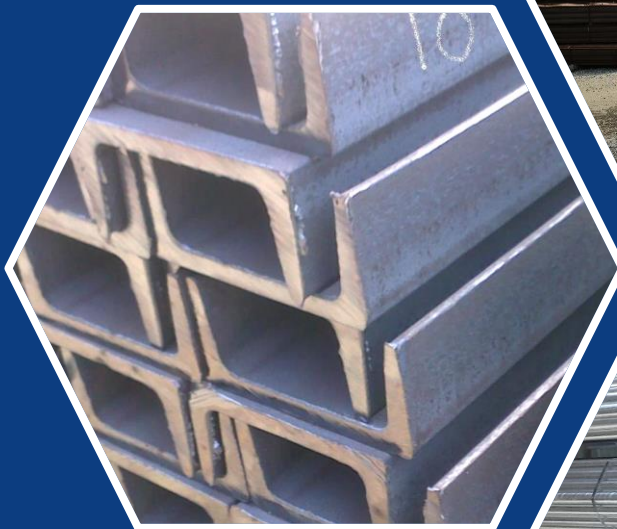
Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL



## Hội đồng quản trị

### Thành viên và cơ cấu HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
Ông Vũ Bá Ổn	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên	Thành viên điều hành
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên	Thành viên không điều hành
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên	Thành viên điều hành
Ông Phạm Công Thảo	Thành viên	Thành viên không điều hành
Ông Hồ Phi Hiệp	Thành viên	Thành viên không điều hành

### Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT.

### Hoạt động của HĐQT

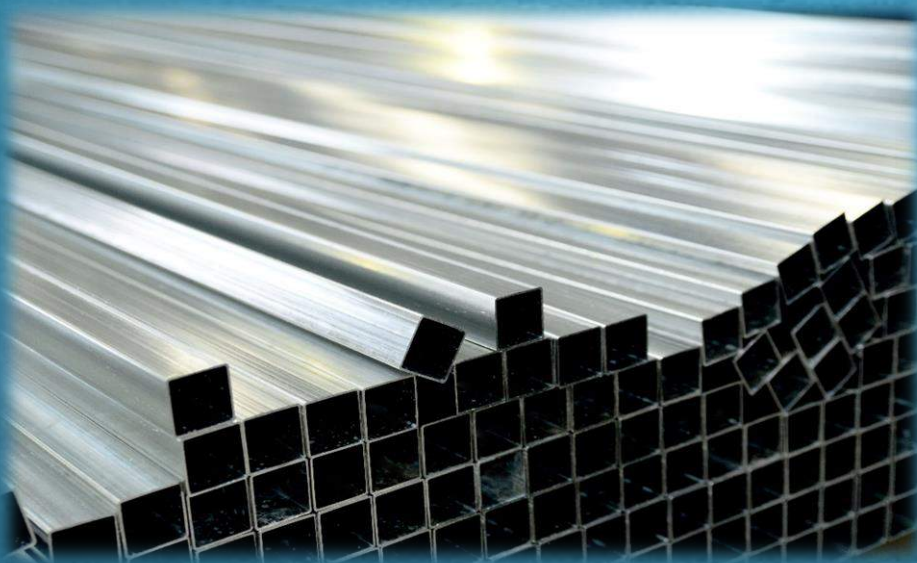
Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 kỳ họp thường kì hàng quý và bất thường để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Cuộc họp ngày 06/01/2016: Đánh giá công tác năm 2015 và dự kiến chương trình trọng tâm năm 2016.
- Cuộc họp ngày 12/01/2016: Thông qua phương án chuyển nhượng Dự án Chung cư Phú Thuận, Quận 7.
- Cuộc họp ngày 16/03/2016: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 1/2016 và chương trình công tác trong tâm quý 2/2016; phê duyệt quyết toán lương năm 2015 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2016 của Công ty, thông qua các tài liệu ĐHCĐ năm 2016 và công tác chuẩn bị tổ chức ĐHCĐ
- Cuộc họp ngày 01/04/2016: Rà soát công tác chuẩn bị ĐHCĐ thường niên 2016.
- Cuộc họp ngày 06/07/2016: Đánh giá kết quả thực hiện NQ của HĐQT về nhiệm vụ quý 2 và 6 tháng đầu năm 2016; chương trình công tác trọng tâm quý 3 năm 2016; thông qua việc sửa đổi bổ sung quy chế quản lý kinh doanh của Công ty; Thông qua quyết định vay vốn tại ngân hàng BIDV.
- Cuộc họp ngày 13/09/2016: Lấy ý kiến các thành viên HĐQT về đơn từ nhiệm của ông Phạm Công Thảo; bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kim Khí TP.HCM; thông qua dự thảo quy chế tiền lương mới đối với CBCNV; thông qua quy chế phối hợp công tác giữa Đảng ủy, HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
- Cuộc họp ngày 23/09/2016: Thông qua việc vay vốn Ngân hàng TNHH Indovina.
- Cuộc họp ngày 10/10/2016: Đánh giá kết quả thực hiện NQ của HĐQT về nhiệm vụ quý 3 và 9 tháng đầu năm 2016; chương trình công tác trọng tâm quý 4 năm 2016; thông qua việc vay vốn Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng...
- Cuộc họp ngày 23/12/2016: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác quý IV và năm 2016, phương hướng nhiệm vụ công tác quý I và năm 2017; thông qua việc xử lý nợ khó đòi; thông qua giao dịch với các Công ty trong hệ thống Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP...

Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, tham gia ý kiến, thông qua các chủ trương, nhiệm vụ giao cho Ban điều hành thực hiện.

## Số buổi tham dự cuộc họp của các thành viên

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Bá Ổn	Chủ tịch HĐQT	9	100%	
2	Ông Đặng Huy Hiệp	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	9	100%	
3	Ông Lê Văn Hồng	TV HĐQT - Không điều hành	9	100%	
4	Ông Trương Bá Liêm	TV HĐQT - Phó TGD	9	100%	
5	Ông Phạm Công Thảo	TV HĐQT - Không điều hành	6	100%	
6	Ông Hồ Phi Hiệp	TV HĐQT - Không điều hành	2	66%	Đi công tác



## Thay đổi nhân sự trong năm 2016

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm từ 02/04/2016
2	Ông Hồ Phi Hiệp	Thành viên HĐQT	TV HĐQT tạm thời từ 15/09/2016

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

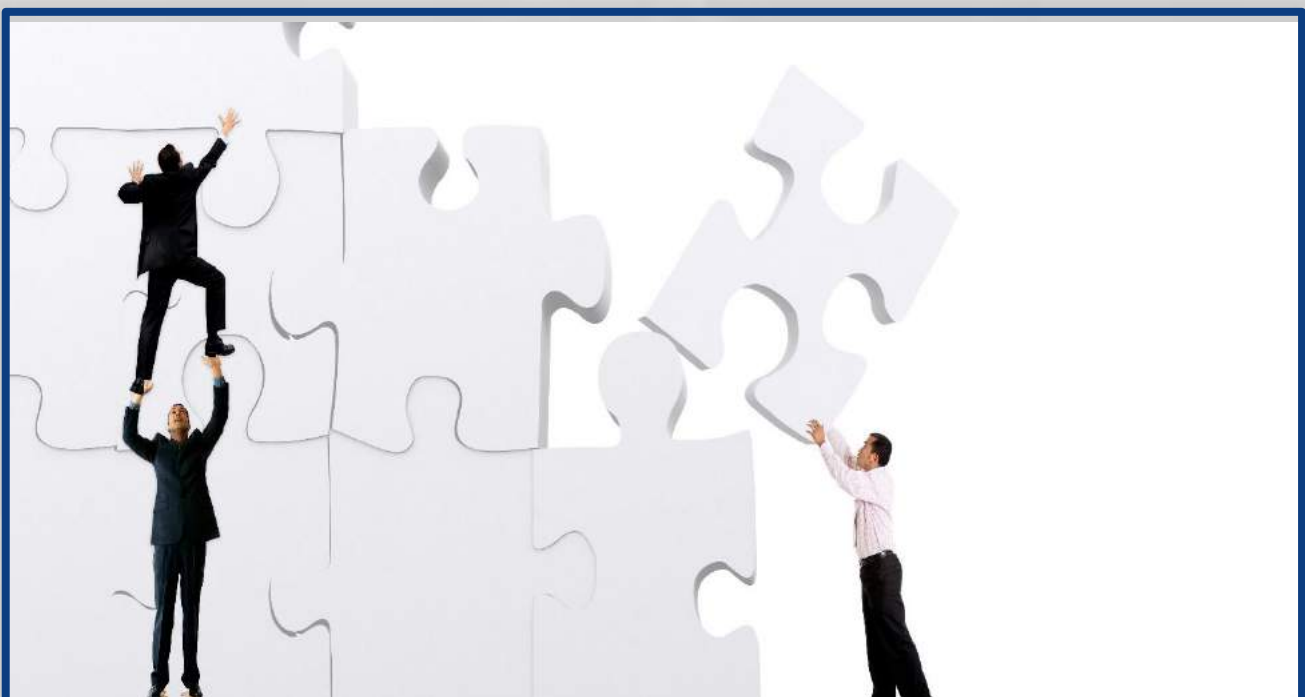
- Chỉ đạo, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng quý; đôn đốc và giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng quý còn lại.
- Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, thực hiện - phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Không có

### Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị Công ty

Không có



### Các nghị quyết và quyết định trong năm 2016 của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	04/NQ-KK	12/01/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2015 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2016.
2	05/NQ-KK	18/01/2016	Chuyển nhượng Dự án chung cư tại số 370 Nguyễn Văn Quỳ.
3	12/NQ-KK	02/02/2016	Chấp thuận giao dịch bán hàng hàng hóa với Cty CP Thép Tấm lá Thống Nhất.
4	19//NQ-KK	25/02/2016	Chấp thuận giao dịch mua, bán hàng hàng hóa với các Công ty có liên quan.
5	36//NQ-KK	23/03/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1 năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2016.
6	39/NQ-KK	29/03/2016	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án mua sắm xe ô tô.
7	42A/NQ-KK	30/03/2016	QĐ Phê duyệt đơn vị cung cấp xe ô tô
8	47/QĐ-KK	01/04/2016	QĐ Thanh lý TSCĐ.
9	74/NQ-KK	06/06/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016.
10	92/NQ-KK	12/07/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 2 năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm quý 3 và 6 tháng cuối năm 2016.
11	106A/QĐ-KK	08/09/2016	Thanh lý tài sản cố định.
12	115/NQ-KK	13/09/2016	Thông qua đơn từ nhiệm của TV HĐQT và bổ nhiệm TV HĐQT mới.
13	139/QĐ/KK	10/10/2016	Phê duyệt mua xe ô tô thay thế xe cũ.
14	141/NQ-KK	11/10/2016	Vay vốn tại ngân hàng TMCP Phương Đông.
15	148/NQ-KK	12/10/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 3 năm 2016 và nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2016.
16	520/NQ-KK	26/12/2016	Giao dịch mua bán hàng hóa giữa Cty CP Kim khí TPHCM với các Cty có liên quan.
17	521/NQ-KK	26/12/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2016; nhiệm vụ trọng tâm quý 1 và năm 2017.
18	529/NQ-KK	29/12/2016	Xử lý nợ khó đòi tại XN kinh doanh kim khí số 5.



## Ban kiểm soát

### Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên kiểm soát
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên kiểm soát

### Hoạt động Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng BKS	29/03/2014	4	100%	
2	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	TV BKS	Bổ nhiệm từ 02/04/2016	3	100%	
3	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	TV BKS	Bổ nhiệm từ 02/04/2016	3	100%	
4	Ông Đậu Vũ Châu	TV BKS	Miễn nhiệm từ 02/04/2016	1	100%	
5	Ông Nguyễn Xuân Trường	TV BKS	Miễn nhiệm từ 02/04/2016	1	100%	



## Hoạt động của Ban kiểm soát

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 và lập báo cáo trình ĐHCĐ. Thẩm định các báo cáo tài chính quý năm 2016 của Công ty, qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.

Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016 của Công ty. Trao đổi với kiểm toán về những vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Giám sát công tác quản lý chi phí, quản lý công nợ và tình hình thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ của Công ty thực hiện kiểm tra một số nội dung cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy chế quy định tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi điều lệ Công ty và quy chế quản lý kinh doanh của Công ty.

Ghi nhận ý kiến đóng góp của cổ đông đối với hoạt động của Công ty và chuyển đến HĐQT và ban điều hành để nghiên cứu tiếp thu; cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc cho cổ đông.

Năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức bốn cuộc họp với nội dung chính là: đánh giá hoạt động năm 2015, thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban kiểm soát và thẩm định báo cáo tài chính các quý năm 2016 của Công ty...

Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi thông tin qua thư điện tử, điện thoại để hoạt động của Ban kiểm soát được kịp thời, hiệu quả.

## Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã hoạt động rất tích cực, bám sát tình hình của Công ty. Định kỳ, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Tổng Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình, kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty.

Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực cố gắng khắc phục những khó khăn, triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT, đưa ra những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, tích cực thu hồi công nợ, giải quyết hàng tồn kho... Kết quả là Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC.

## Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành

Trong năm qua Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cung cấp thông tin, tạo điều kiện trong việc thực thi nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty.

Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến trong việc quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Ban điều hành Công ty, một số ý kiến đã được tiếp nhận và xem xét điều chỉnh.

### Thay đổi nhân sự trong năm 2016

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đậu Vũ Châu	Thành viên BKS		Miễn nhiệm từ 02/04/2016
2	Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên BKS		Miễn nhiệm từ 02/04/2016
3	Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên BKS	Bổ nhiệm từ 02/04/2016	
4	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	Bổ nhiệm từ 02/04/2016	

#### Kiến nghị

Để phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2016 và nâng cao hiệu quả kinh doanh năm 2017, Ban kiểm soát kiến nghị lãnh đạo Công ty có biện pháp tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ. Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty để kịp thời phát hiện và khắc phục những thiếu sót, tồn tại trong hoạt động của Công ty. Nâng cao hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.





### **Kế hoạch tương lai của Ban Kiểm soát**

Tăng cường vai trò của Ban kiểm soát; thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, tập trung vào những nội dung chính sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nội dung khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT.
- Kiểm soát một số nội dung cụ thể trong công tác quản lý tài chính và tình hình thực hiện các Quy chế quản lý kinh doanh, tài chính, công nợ của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016, các báo cáo tài chính hàng quý năm 2017 của Công ty. Hàng quý lập báo cáo đánh giá hoạt động trong kỳ và đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017 của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng kiểm tra giám sát một số nội dung cụ thể trong hoạt động của các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi Điều lệ Công ty (trong trường hợp các quy định mới về quản trị Công ty đại chúng được ban hành) và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.



## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (đồng)			Ghi chú
			Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng	
<b>I Hội đồng quản trị &amp; Ban Tổng Giám đốc</b>						
1	Vũ Bá Ổn	CT.HĐQT	-	60.000.000	60.000.000	
2	Phạm Công Thảo	TV.HĐQT	-	34.000.000	34.000.000	Thôi TV.HĐQT từ 16/9/2016
3	Hồ Phi Hiệp	TV.HĐQT	-	14.000.000	14.000.000	Nhận nhiệm vụ TV.HĐQT từ 16/9/2016
4	Lê Văn Hồng	TV.HĐQT	-	48.000.000	48.000.000	
5	Đặng Huy Hiệp	TV.HĐQT - TGD	457.385.085	-	457.385.085	
6	Trương Bá Liêm	TV.HĐQT - P.TGD	390.899.651	-	390.899.651	
<b>II Ban kiểm soát</b>						
1	Hoàng Lê Ánh	Trưởng BKS	224.485.215	-	224.485.215	
2	Đoàn Thị Thanh Thúy	TV.BKS	84.472.254	27.000.000	111.472.254	Nhận nhiệm vụ TV.BKS từ 2/4/2016
3	Huỳnh Thị Lệ Nga	TV.BKS	-	27.000.000	27.000.000	Nhận nhiệm vụ TV.BKS từ 2/4/2016
4	Đậu Vũ Châu	TV.BKS	-	9.000.000	9.000.000	Thôi TV.BKS từ 2/4/2016
5	Nguyễn Xuân Trường	TV.BKS	-	9.000.000	9.000.000	Thôi TV.BKS từ 2/4/2016
<b>III Kế toán trưởng</b>						
1	Võ Thị Lệ Châu	KTT	272.245.672	-	272.245.672	
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.429.487.877</b>	<b>228.000.000</b>	<b>1.657.487.877</b>	

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

**Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty**

Tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu Công ty theo các nghị quyết của HĐQT đã ban hành, đặc biệt là chấn chỉnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các phòng nghiệp vụ; tiếp tục rà soát và tinh giảm lao động gián tiếp; tiếp tục đánh giá hoạt động của các XN để có phương án sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Tiếp tục rà soát sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ; đánh giá lại việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành và đề xuất sửa đổi cho phù hợp với thực tế, đặc biệt là quy chế kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để khắc phục những tồn tại và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

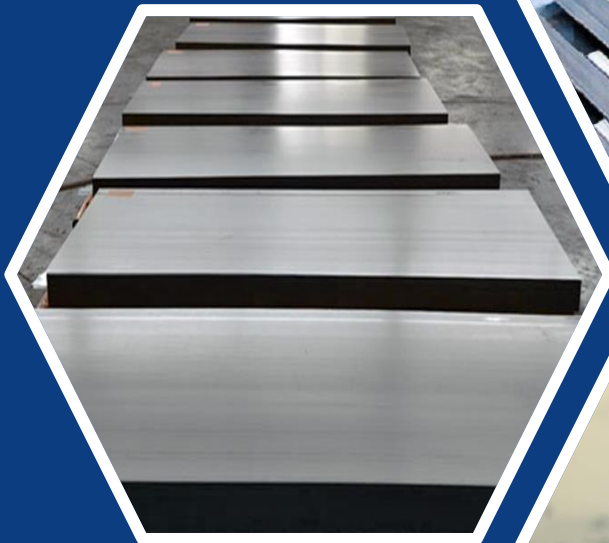
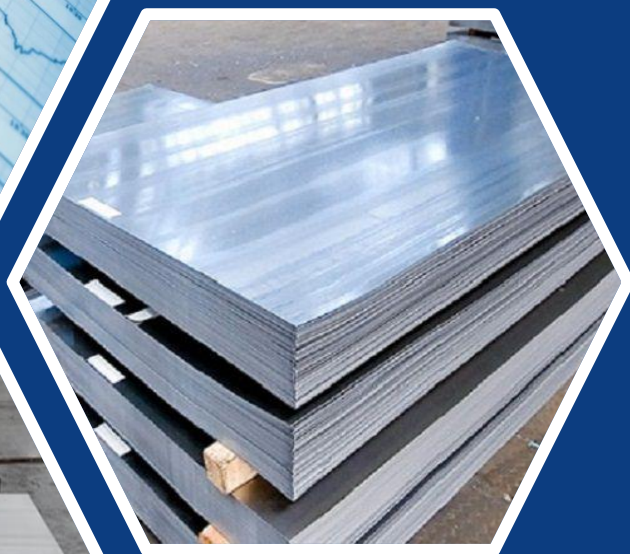


# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến Cơ quan kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL







Số: 227/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 10 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC****Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

**Trần Quang Mậu**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0668-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>610.926.560.633</b>	<b>604.934.263.996</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31.242.920.955	20.341.953.733
111	1. Tiền		31.242.920.955	20.341.953.733
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	29.540.000.000	9.200.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.000.000.000	23.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(14.260.000.000)	(13.800.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.800.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		233.666.364.945	244.411.259.111
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	217.491.943.945	214.467.688.252
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.096.220.183	20.211.087.678
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.865.093.367	11.305.602.604
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.786.892.550)	(1.573.119.423)
140	IV. Hàng tồn kho	9	305.885.851.741	328.605.887.469
141	1. Hàng tồn kho		321.696.800.615	348.654.526.684
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.810.948.874)	(20.048.639.215)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.591.422.992	2.375.163.683
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	116.000.000	270.493.258
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.475.422.992	1.252.004.988
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	852.665.437
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>164.283.261.509</b>	<b>254.298.642.793</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		264.000.000	280.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	264.000.000	280.000.000
220	II. Tài sản cố định		37.591.807.927	126.399.065.546
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	31.784.904.321	36.060.151.374
222	- Nguyên giá		65.683.717.719	71.293.921.959
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.898.813.398)	(35.233.770.585)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.806.903.606	90.338.914.172
228	- Nguyên giá		6.854.050.168	91.195.670.450
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.047.146.562)	(856.756.278)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	104.286.796.822	110.339.034.454
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.176.990.946)	(35.124.753.314)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**(tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	934.400.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	934.400.909
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.671.889.647	13.659.354.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.079.250.000	35.079.250.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.407.360.353)	(21.419.896.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.468.767.113	2.686.787.884
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.468.767.113	2.686.787.884
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>775.209.822.142</b>	<b>859.232.906.789</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>436.417.870.699</b>	<b>583.097.586.952</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>413.236.524.243</b>	<b>563.178.356.227</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	36.981.587.091	37.055.101.876
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.131.183.959	6.245.944.565
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.406.866.854	295.925.494
314	4. Phải trả người lao động		8.215.794.792	6.249.067.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.159.219.493	716.351.822
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		99.286.432	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	730.194.931	1.880.205.091
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	360.125.569.589	510.212.919.408
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		386.821.102	522.840.102
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>23.181.346.456</b>	<b>19.919.230.725</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	23.181.346.456	19.919.230.725
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>338.791.951.443</b>	<b>276.135.319.837</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>338.791.951.443</b>	<b>276.135.319.837</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		60.535.503.997	60.535.503.997
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.257.750.616	(33.398.880.990)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(33.398.880.990)	43.105.597
421b	LNST chưa phân phối năm nay		62.656.631.606	(33.441.986.587)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>775.209.822.142</b>	<b>859.232.906.789</b>



Nguyễn Thị Hồng Mây  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.363.390.556.854	2.046.560.714.090
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	2.031.772.201	4.068.329.900
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.361.358.784.653	2.042.492.384.190
11	4. Giá vốn hàng bán	24	2.212.142.997.370	2.016.538.625.638
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		149.215.787.283	25.953.758.552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	15.917.378.704	14.406.536.626
22	7. Chi phí tài chính	26	31.566.552.246	40.854.368.900
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.441.465.228	34.387.252.544
25	8. Chi phí bán hàng	27	60.386.567.272	36.494.952.082
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	21.649.236.825	20.412.396.933
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.530.809.644	(57.401.422.737)
31	11. Thu nhập khác	29	18.731.817.497	26.849.688.273
32	12. Chi phí khác	30	245.497.290	1.765.760.793
40	13. Lợi nhuận khác		18.486.320.207	25.083.927.480
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		70.017.129.851	(32.317.495.257)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	7.360.498.245	1.124.491.330
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>62.656.631.606</u>	<u>(33.441.986.587)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.984	(1.592)

  
 Nguyễn Thị Hồng Mây  
 Người lập

  
 Võ Thị Lệ Châu  
 Kế toán trưởng

  
 Đặng Huy Hiệp  
 Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		70.017.129.851	(32.317.495.257)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.356.557.779	11.910.485.626
03	- Các khoản dự phòng		4.423.547.139	17.167.578.670
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.968.880.714	42.543.995
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.263.937.022)	(46.497.263.787)
06	- Chi phí lãi vay		22.441.465.228	34.387.252.544
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		88.943.643.689	(15.306.898.209)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.110.156.965)	108.092.195.630
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		26.957.726.069	95.342.869.094
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.583.037.618	(174.915.308.617)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.372.514.029	(2.609.403.762)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.647.675.508)	(34.385.190.366)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.341.007.580)	(1.253.875.932)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.604.625.553
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(136.019.000)	(7.799.885.036)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		90.622.062.352	(30.230.871.645)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.688.036.364)	(1.626.338.408)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		105.581.159.090	22.574.422.181
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.901.488.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		68.101.488.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.613.978.436)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	39.550.977.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.242.012.677	624.060.745
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		72.335.135.403	59.509.143.082
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.175.817.404.928	2.165.202.781.646
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.328.121.060.878)	(2.164.019.982.721)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(20.984.931.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(152.303.655.950)	(19.802.132.575)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.653.541.805	9.476.138.862
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.341.953.733	10.835.472.681
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		247.425.417	30.342.190
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>31.242.920.955</u>	<u>20.341.953.733</u>



Nguyễn Thị Hồng Mây  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2017



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2016

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 13 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

##### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

##### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2016, tình hình kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi và nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu cho các công trình đầu tư tăng mạnh nên dẫn đến doanh thu bán hàng tăng 15,48% so với năm trước, từ đó dẫn tới việc tăng đột biến về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm nay so với năm trước.

Ngoài ra trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng Dự án chung cư tại số 370 Nguyễn Văn Quỳ, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh. Giá trị chuyển nhượng là 102.157.440.000 đồng, các chi phí liên quan đến chuyển nhượng dự án là 85.333.748.464 đồng, lãi chuyển nhượng dự án là 16.823.691.536 đồng. Công ty đã thu được toàn bộ tiền chuyển nhượng dự án và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đầy đủ cho hoạt động kinh doanh bất động sản.

**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng	Long An	Kho chứa hàng

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

## 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.13 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.17 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	707.612.367	1.316.267.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.535.308.588	19.025.685.756
	<u><b>31.242.920.955</b></u>	<u><b>20.341.953.733</b></u>

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	20.800.000.000	20.800.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	20.800.000.000	20.800.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(**)</sup>	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
	<u><b>32.800.000.000</b></u>	<u><b>32.800.000.000</b></u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(<sup>\*</sup>): Tại 31/12/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 20.800.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,1%/năm.

(<sup>\*\*</sup>): Tại 31/12/2016, khoản tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng có giá trị 12.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với lãi suất 6,82%/năm.

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

## b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng (*) VND	Giá gốc VND
Công ty CP Thép Nhà Bè (1.150.000 cổ phiếu)	23.000.000.000	8.740.000.000	(14.260.000.000)	23.000.000.000
	<u>23.000.000.000</u>	<u>8.740.000.000</u>	<u>(14.260.000.000)</u>	<u>23.000.000.000</u>
				Dự phòng VND
				9.200.000.000
				<u>(13.800.000.000)</u>

Giá trị hợp lý của Chứng khoán kinh doanh đang được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2016.

## c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	21.079.250.000	(12.407.360.353)	21.079.250.000	(7.419.896.000)
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	(14.000.000.000)	14.000.000.000	(14.000.000.000)
	<u>35.079.250.000</u>	<u>(26.407.360.353)</u>	<u>35.079.250.000</u>	<u>(21.419.896.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10%	10%	Kinh doanh thương mại sắt, thép các loại
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7%	7%	Sản xuất kinh doanh thép tấm lá

## 5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	51.159.408.692	56.820.220.480
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	20.838.602.587	720.782.062
- Công ty TNHH W.K.K Việt Nam	10.170.162.261	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	135.323.770.405	156.926.685.710
	<b>217.491.943.945</b>	<b>214.467.688.252</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>51.159.408.692</b>	<b>69.014.539.980</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

## 6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Xi măng Nghị Sơn	1.401.717.319	-	-	-
Jiangsu Lihuai Iron And Steel	-	-	6.025.177.090	-
Seiwa Corporation	-	-	8.870.649.300	-
Trả trước cho người bán khác	2.694.502.864	-	5.315.261.288	-
	<b>4.096.220.183</b>	<b>-</b>	<b>20.211.087.678</b>	<b>-</b>

## 7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	656.140.000	-	90.000.000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	20.752.856	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	217.350	-
Tạm ứng	35.247.684	-	203.865.350	-
Ký cược, ký quỹ	9.577.500.000	-	3.000.000.000	-
Các khoản được trợ giá	4.294.180.205	-	4.598.366.283	-
Phải thu lãi chậm trả	105.817.126	-	195.620.738	-
Chiết khấu thanh toán	322.349.249	-	-	-
Khoản quy trách nhiệm cho cá nhân	1.132.594.925	-	2.322.837.769	(466.129.985)
Phải thu khác	741.264.178	-	873.942.258	-
	<b>16.865.093.367</b>	<b>-</b>	<b>11.305.602.604</b>	<b>(466.129.985)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	264.000.000	-	280.000.000	-
	<b>264.000.000</b>	<b>-</b>	<b>280.000.000</b>	<b>-</b>

## 8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Nguyễn Thái Bình	-	-	932.259.969	466.129.985
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư GoHome	408.219.451	122.465.835	608.219.451	304.109.726
- Công ty TNHH MTV Thép Nguyễn Huy	398.514.199	199.257.099	798.514.199	558.959.939
- Công ty TNHH Thép Bảo Tiến	2.529.171.005	1.770.419.703	-	-
- Công ty CP XD và TM Khánh Trường Minh	2.039.123.060	611.736.918	-	-
- Công ty TNHH Quang Giàu	4.860.571.223	3.402.399.856	-	-
- Các khoản khác	1.276.289.181	618.716.158	1.091.609.394	528.283.940
	<b>11.511.888.119</b>	<b>6.724.995.569</b>	<b>3.430.603.013</b>	<b>1.857.483.590</b>

## 9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	52.034.140	-	81.523.716	-
Công cụ, dụng cụ	23.231.304	-	50.547.298	-
Hàng hoá	321.621.535.171	(15.810.948.874)	348.522.455.670	(20.048.639.215)
	<b>321.696.800.615</b>	<b>(15.810.948.874)</b>	<b>348.654.526.684</b>	<b>(20.048.639.215)</b>

## 10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	34.115.259.676	31.459.924.609	3.923.834.697	504.132.146	1.290.770.831	71.293.921.959
- Mua trong năm	-	-	2.688.036.364	-	-	2.688.036.364
- Thanh lý, nhượng bán	(6.018.074.903)	(922.584.396)	(1.044.511.305)	-	(313.070.000)	(8.298.240.604)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.097.184.773</b>	<b>30.537.340.213</b>	<b>5.567.359.756</b>	<b>504.132.146</b>	<b>977.700.831</b>	<b>65.683.717.719</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14.644.119.713	15.930.030.993	3.549.908.278	286.356.089	823.355.512	35.233.770.585
- Khấu hao trong năm	1.713.652.311	2.916.806.474	296.918.133	72.812.784	113.740.161	5.113.929.863
- Thanh lý, nhượng bán	(4.535.628.592)	(908.980.492)	(853.602.209)	-	(150.675.757)	(6.448.887.050)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.822.143.432</b>	<b>17.937.856.975</b>	<b>2.993.224.202</b>	<b>359.168.873</b>	<b>786.419.916</b>	<b>33.898.813.398</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	19.471.139.963	15.529.893.616	373.926.419	217.776.057	467.415.319	36.060.151.374
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>16.275.041.341</b>	<b>12.599.483.238</b>	<b>2.574.135.554</b>	<b>144.963.273</b>	<b>191.280.915</b>	<b>31.784.904.321</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.183.288.603 đồng.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất phường Phú Thuận, Quận 7 VND	Các quyền sử dụng đất khác có thời hạn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	84.341.620.282	6.854.050.168	91.195.670.450
- Thanh lý, nhượng bán	(84.341.620.282)	-	(84.341.620.282)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>6.854.050.168</b>	<b>6.854.050.168</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	856.756.278	856.756.278
- Khấu hao trong năm	-	190.390.284	190.390.284
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.047.146.562</b>	<b>1.047.146.562</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	84.341.620.282	5.997.293.890	90.338.914.172
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>5.806.903.606</b>	<b>5.806.903.606</b>

Quyền sử dụng đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp giấy chứng nhận sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao. Trong năm Công ty đã thực hiện bán dự án tại phường Phú Thuận, Quận 7 cho Công ty CP Xây dựng và Địa ốc Đất Xanh.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 31/12/2016 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong năm của các tài sản này là 6.052.237.632 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 là 41.176.990.946 đồng.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	13.145.106
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	-	49.553.515
Chi phí lắp đặt biển tần kho Linh Trung	-	39.545.455
Chi phí sửa chữa xe ô tô, xe nâng	-	106.914.182
Chi phí thuê văn phòng chi nhánh miền Tây	116.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	61.335.000
	<b>116.000.000</b>	<b>270.493.258</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	-	162.589.869
Chi phí hỗ trợ mở đường số 13 - kho Linh Trung và đổi tên giấy chứng nhận sở hữu kho Linh Trung	1.093.690.234	1.514.340.324
Chi phí trợ cấp thôi việc	271.437.950	542.875.900
Chi phí trả trước dài hạn khác	103.638.929	466.981.791
	<b>1.468.767.113</b>	<b>2.686.787.884</b>

## 14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thép Vina kyoel	27.908.530.457	27.908.530.457	6.818.377.747	6.818.377.747
- Công ty CP Tôn Đồng Á	-	-	8.334.018.300	8.334.018.300
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSSteel	-	-	11.734.156.500	11.734.156.500
- Phải trả các đối tượng khác	9.073.056.634	9.073.056.634	10.168.549.329	10.168.549.329
	<b>36.981.587.091</b>	<b>36.981.587.091</b>	<b>37.055.101.876</b>	<b>37.055.101.876</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<b>28.174.251.718</b>	<b>28.174.251.718</b>	<b>8.404.200.175</b>	<b>8.404.200.175</b>

## 15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Công ty TNHH Thép Minh Quân	-	730.000.000
- Công ty TNHH MTV TM Vạn Phúc	558.900.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	572.283.959	5.515.944.565
	<b>1.131.183.959</b>	<b>6.245.944.565</b>

## 16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	65.982.926.519	65.982.926.519	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	142.842.421	142.842.421	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	852.665.437	-	7.360.498.245	4.341.007.580	-	-	-	-	2.166.825.228	240.041.626
Thuế Thu nhập cá nhân	-	97.328.406	549.692.084	406.978.864	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	198.597.088	2.723.697.744	2.922.294.832	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	226.414.920	226.414.920	-	-	-	-	-	-
	<b>852.665.437</b>	<b>295.925.494</b>	<b>76.997.071.933</b>	<b>74.033.465.136</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.406.866.854</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	266.789.341	472.999.621
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	18.740.000	8.288.400
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	765.915.125	42.496.272
- Tiền bảo lãnh NH, lãi ký quỹ khách hàng	13.625.000	-
- Trích trước chi phí đi nước ngoài	1.498.970.000	-
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	457.660.629	-
- Chi phí phải trả khác	137.519.398	192.567.529
	<u><b>3.159.219.493</b></u>	<u><b>716.351.822</b></u>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	36.761.610	47.971.560
- Bảo hiểm xã hội	279.080.495	-
- Bảo hiểm y tế	48.302.486	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	21.467.740	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	54.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	290.582.600	1.778.233.531
	<u><b>730.194.931</b></u>	<u><b>1.880.205.091</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.181.346.456	19.919.230.725
	<u><b>23.181.346.456</b></u>	<u><b>19.919.230.725</b></u>



## 19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM <sup>(1)</sup>	208.559.117.638	208.559.117.638	1.625.653.430.796	1.635.367.919.616	198.844.628.818	198.844.628.818
- Ngân hàng TMCP DT và PT Việt Nam - Chi nhánh HCM <sup>(2)</sup>	281.491.817.072	281.491.817.072	367.600.222.888	581.696.174.409	67.395.865.551	67.395.865.551
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng <sup>(3)</sup>	20.161.984.698	20.161.984.698	165.029.241.527	111.056.966.853	74.134.259.372	74.134.259.372
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh HCM <sup>(4)</sup>	-	-	19.750.815.848	-	19.750.815.848	19.750.815.848
	<b>510.212.919.408</b>	<b>510.212.919.408</b>	<b>2.178.033.711.059</b>	<b>2.328.121.060.878</b>	<b>360.125.569.589</b>	<b>360.125.569.589</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 16.3000164/HĐTDHM/NHCT900 - KIMKHI ngày 01/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay thả nổi;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 198.844.628.818 đồng; trong đó có bao gồm vay 2.130.478,06 USD, tương đương với 48.532.290.207 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 09/2016/94697/HĐTD ngày 01/08/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
  - + Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh/L/C được mở,
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 67.395.865.551 đồng; trong đó có bao gồm vay 385.221 USD, tương đương với 8.779.191.148 đồng.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 229/2016/HĐHM/CIB ngày 15/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Cho vay để thanh toán trực tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh sắt thép, xi măng và ngoài nước, đóng thuế các loại ( trừ thuế TNDN), phát hành L/C (trả ngay và trả chậm); L/C trả chậm được phép thanh toán ngay để nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh sắt thép, xi măng;
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 5 tháng theo từng lần nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 74.134.259.372 đồng; trong đó có bao gồm vay 2.448.979,23 USD, tương đương với 55.861.216.236 đồng.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 107/0916/CL/1024191 ngày 20/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, tài trợ các giao dịch nhập khẩu và mở bảo lãnh Ngân hàng;
  - + Thời hạn cho vay: không vượt quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 19.750.815.848 đồng, tương đương với 866.643,96 USD.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

## 20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	57.658.556.822	1.573.466.830	24.333.739.527	330.790.993.179
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(33.441.986.587)	(33.441.986.587)
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	200.000.000	(24.290.633.930)	(23.590.633.930)
Tặng khác (*)	-	-	2.376.947.175	-	-	2.376.947.175
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(33.398.880.990)	276.135.319.837
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	(33.398.880.990)	276.135.319.837
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	62.656.631.606	62.656.631.606
Số dư cuối năm nay	210.000.000.000	37.225.230.000	60.535.503.997	1.773.466.830	29.257.750.616	338.791.951.443

(\*) Theo Quyết định số 6061/QĐ-CT-XP ngày 27/12/2014 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh, số thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2012 giảm so với số liệu trên thông báo trước đó (Quyết định số 165/QĐ-CT-XP-TT1 ngày 16/01/2014) là 2.376.947.175 đồng. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện nộp và trích nguồn từ quỹ Đầu tư phát triển đối với giá trị Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu 2012 theo Quyết định 165/QĐ-CT-XP-TT1. Trong năm 2015, Công ty thực hiện ghi nhận tăng nguồn Đầu tư phát triển tương ứng số thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm trên.

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ VND	Cuối năm (%)
	Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67%	116.905.700.000	55,67%
Ông Trần Linh Phong	5,60%	11.750.000.000	5,40%	11.340.000.000
Các cổ đông khác	38,73%	81.344.300.000	38,93%	81.754.300.000
	100%	210.000.000.000	100,00%	210.000.000.000

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000

## d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

## e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.535.503.997	60.535.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	<b>62.308.970.827</b>	<b>62.308.970.827</b>

## 21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	963.601,33	606.863,87
- Đồng Euro (EUR)	201,99	201,75

## b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ xử lý năm 2016	1.059.434.339	-
Các khoản xử lý nợ từ những năm trước	38.031.967.243	38.418.557.243
	<b>39.091.401.582</b>	<b>38.418.557.243</b>

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.304.653.195.604	1.993.693.058.513
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.737.361.250	52.867.655.577
	<b><u>2.363.390.556.854</u></b>	<b><u>2.046.560.714.090</u></b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<b><u>204.147.285.941</u></b>	<b><u>158.904.013.808</u></b>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	210.948.900	3.109.797.410
Hàng bán bị trả lại	1.820.823.301	370.280.290
Giảm giá hàng bán	-	588.252.200
	<b><u>2.031.772.201</u></b>	<b><u>4.068.329.900</u></b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.206.548.815.245	1.996.863.376.063
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.831.872.466	9.823.895.264
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.237.690.341)	9.851.354.311
	<b><u>2.212.142.997.370</u></b>	<b><u>2.016.538.625.638</u></b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.808.152.677	714.060.745
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12.432.386.022	5.508.210.422
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	676.840.005	658.671.759
Lãi chuyển nhượng vốn Công ty Depot	-	5.903.400.000
Lãi bán cổ phiếu Vietinbank	-	1.622.193.700
	<b><u>15.917.378.704</u></b>	<b><u>14.406.536.626</u></b>

## 26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.441.465.228	34.387.252.544
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	18.087.362
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.448.741.951	3.925.977.807
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.968.880.714	42.543.995
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.447.464.353	2.474.896.000
Chi phí tài chính khác	260.000.000	5.611.192
	<b>31.566.552.246</b>	<b>40.854.368.900</b>

## 27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	719.532.021	809.306.015
Chi phí nhân công	24.063.257.988	17.777.732.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.119.180.117	5.858.247.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.867.916.780	8.580.828.916
Chi phí khác bằng tiền	10.616.680.366	3.468.837.100
	<b>60.386.567.272</b>	<b>36.494.952.082</b>

## 28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.005.763	338.059.272
Chi phí nhân công	9.591.968.805	5.428.410.700
Thuế, phí, lệ phí	39.385.316	49.165.288
Chi phí dự phòng	3.213.773.127	4.841.328.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.491.971.665	1.547.675.027
Chi phí khác bằng tiền	6.094.132.149	8.207.758.287
	<b>21.649.236.825</b>	<b>20.412.396.933</b>

## 29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.070.373.718	129.327.272
Tiền phạt thu được	2.000.000	343.425.090
Lãi do đánh giá lại tài sản để góp vốn vào Công ty CP Depot SG	-	18.594.729.232
Thu hàng thừa	-	268.681.512
Chuyển nhượng dự án Phú Thuận	16.823.691.536	-
Chuyển nhượng dự án Quốc Hương	561.719.091	4.319.627.274
Thu nợ khó đòi đã xử lý	-	3.078.488.571
Thu nhập khác	274.033.152	115.409.322
	<b>18.731.817.497</b>	<b>26.849.688.273</b>

## 30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	231.413.563	151.782.357
Chi phí góp vốn thành lập công ty Depot SG	-	1.613.978.436
Chi phí khác	14.083.727	-
	<b>245.497.290</b>	<b>1.765.760.793</b>

## 31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>1. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.631.719.224	(36.637.122.531)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.702.664.277	151.782.357
- Chi phí không hợp lệ (loại trừ khi tính thuế TNDN)	1.733.783.563	151.782.357
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.968.880.714	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(36.485.340.174)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(36.485.340.174)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	19.849.043.327	(36.485.340.174)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.969.808.665	-
Thuế TNDN truy thu theo Quyết định của Cơ quan thuế	-	174.173.330
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>3.969.808.665</b>	<b>174.173.330</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	-	(2.376.947.175)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(1.802.983.437)	1.653.666.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(1.253.875.932)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>2.166.825.228</b>	<b>(1.802.983.437)</b>
<b>2. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	17.385.410.627	4.319.627.274
Thu nhập tính thuế TNDN	17.385.410.627	4.319.627.274
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.477.082.125	950.318.000
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp dự án Quốc Hương	(86.392.545)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>3.390.689.580</b>	<b>950.318.000</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	950.318.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.341.007.580)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>950.318.000</b>
<b>3. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.360.498.245</b>	<b>1.124.491.330</b>
<b>4. Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>2.166.825.228</b>	<b>(852.665.437)</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	62.656.631.606	(33.441.986.587)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	62.656.631.606	(33.441.986.587)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.984</b>	<b>(1.592)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	982.078.329	1.147.365.287
Chi phí nhân công	34.314.468.901	23.206.142.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.356.557.779	11.910.485.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.025.717.444	11.747.889.220
Chi phí khác bằng tiền	19.202.784.180	15.047.450.107
	<b>85.881.606.633</b>	<b>63.059.332.997</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.242.920.955	-	20.341.953.733	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	234.621.037.312	(4.786.892.550)	226.053.290.856	(1.573.119.423)
Các khoản cho vay	32.800.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	(14.260.000.000)	23.000.000.000	(13.800.000.000)
Đầu tư dài hạn	35.079.250.000	(26.407.360.353)	35.079.250.000	(21.419.896.000)
	<b>356.743.208.267</b>	<b>(45.454.252.903)</b>	<b>304.474.494.589</b>	<b>(36.793.015.423)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016			
	VND	01/01/2016		
		VND		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ		360.125.569.589	510.212.919.408	
Phải trả người bán, phải trả khác		60.893.128.478	58.854.537.692	
Chi phí phải trả		3.159.219.493	716.351.822	
		<b>424.177.917.560</b>	<b>569.783.808.922</b>	



Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### ***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.242.920.955	-	-	31.242.920.955
Phải thu khách hàng, phải thu khác	229.570.144.762	264.000.000	-	229.834.144.762
Các khoản cho vay	20.800.000.000	12.000.000.000	-	32.800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	8.740.000.000	-	-	8.740.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	8.671.889.647	8.671.889.647
	<b>290.353.065.717</b>	<b>12.264.000.000</b>	<b>8.671.889.647</b>	<b>311.288.955.364</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.341.953.733	-	-	20.341.953.733
Phải thu khách hàng, phải thu khác	224.200.171.433	280.000.000	-	224.480.171.433
Đầu tư ngắn hạn	9.200.000.000	-	-	9.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	13.659.354.000	13.659.354.000
	<b>253.742.125.166</b>	<b>280.000.000</b>	<b>13.659.354.000</b>	<b>267.681.479.166</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	360.125.569.589	-	-	360.125.569.589
Phải trả người bán, phải trả khác	37.711.782.022	23.181.346.456	-	60.893.128.478
Chi phí phải trả	3.159.219.493	-	-	3.159.219.493
	<b>400.996.571.104</b>	<b>23.181.346.456</b>	<b>-</b>	<b>424.177.917.560</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	510.212.919.408	-	-	510.212.919.408
Phải trả người bán, phải trả khác	38.935.306.967	19.919.230.725	-	58.854.537.692
Chi phí phải trả	716.351.822	-	-	716.351.822
	<b>549.864.578.197</b>	<b>19.919.230.725</b>	<b>-</b>	<b>569.783.808.922</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 22 và 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

### 37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		<b>204.147.285.941</b>	<b>158.904.013.808</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	18.227.659.000	24.196.879.200
Công ty CP Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	2.173.152.691	2.936.666.151
Công ty CP Thép Thủ Đức	Cùng Công ty mẹ	897.650.169	29.874.182.278
Công ty CP Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	-	2.962.276.934
Công ty CP Lưới thép Bình Tây	Cùng Công ty mẹ	15.995.267.381	-
Công ty CP Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	12.256.664.000
Công ty Thép Tây Đô	Cùng Công ty mẹ	43.838.448.400	-
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	120.913.035.481	86.677.345.245
Công ty CP Cơ khí Luyện Kim	Cùng Công ty mẹ	1.514.697.103	-
Công ty CP Mạ kẽm CN Vingal - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ	587.375.716	-
<b>Mua hàng</b>		<b>893.702.408.737</b>	<b>907.335.425.637</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	265.721.261
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	441.188.238.380	645.470.837.328
Công ty CP Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	-	1.078.273.060
Công ty CP Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	224.433.000	1.153.771.200
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	13.399.304.494	18.193.565.232
Công ty Thép Vinakyocci	Cùng Công ty mẹ	348.610.769.024	239.170.761.456
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	30.027.100.990	2.002.496.100

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
<b>Mua hàng (tiếp)</b>		VND	VND
Công ty CP Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	38.135.280.000	-
Công ty Thép Tây Đô	Cùng trong TCT	2.812.723.860	-
Công ty Tôn Phương Nam	Cùng trong TCT	3.702.865.239	-
Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện Kim Việt Trung	Cùng trong TCT	14.877.949.200	-
Công ty CP Thép Việt Mỹ	Cùng trong TCT	723.744.550	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>51.159.408.692</b>	<b>69.014.539.980</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	-	12.194.319.500
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	51.159.408.692	56.820.220.480
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>45.508.855</b>	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	45.508.855	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>5.409.086.187</b>	<b>3.528.361.583</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	1.205.231.549	2.641.071.260
Công ty Tôn Phương Nam	Cùng trong TCT	21.760.685	26.388.373
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Cùng trong TCT	4.182.093.953	860.901.950
<b>Ký cược, ký quỹ</b>		<b>9.577.500.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	2.577.500.000	-
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Cùng trong TCT	7.000.000.000	3.000.000.000
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>		<b>28.174.251.718</b>	<b>8.404.200.175</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	265.721.261	265.721.261
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Cùng trong TCT	27.908.530.457	6.818.377.747
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	-	19.766.736
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	-	1.300.334.431
<b>Nhận ký cược, ký quỹ</b>		<b>127.515.700</b>	<b>127.515.700</b>
Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	27.515.700	27.515.700
Công ty CP Lưới thép Bình Tây	Cùng trong TCT	100.000.000	100.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.657.487.877	1.263.704.501

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Thị Hồng Máy**  
Người lập



**Võ Thị Lệ Châu**  
Kế toán trưởng



**Đặng Huy Hiệp**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2017*

SS

**Chữ ký người đại diện theo pháp luật**



**ĐẶNG HUY HIỆP**  
Tổng giám đốc